



BỘ MÁY TÀI CHÍNH CỦA CHÍNH QUYỀN LÊ – TRỊNH THẾ KỶ XVIII QUA VIỆC PHÂN TÍCH “LỤC PHIÊN” TRONG VƯƠNG PHỦ

Ueda Shinya*

Mở đầu

Bài viết này khảo sát cơ cấu tổ chức của chính quyền Lê – Trịnh thế kỷ XVIII qua việc phân tích quan chế của “Lục Phiên” trong Vương phủ. Triều Lê ra đời vào thế kỷ XV, sau khoảng 1 thế kỷ, đã bị Mạc Đăng Dung chiếm ngôi năm 1527. Nhưng ít lâu sau, năm 1533, Nguyễn Kim đã lập con trai của Lê Chiêu Tông lên ngôi hoàng đế ở một vùng núi của Lào. Sau đó, để đối phó với triều Mạc đang có ảnh hưởng lớn đến cả vùng đồng bằng sông Hồng lúc đó, Nguyễn Kim tiến công vào Thanh Hoá, Nghệ An. Nguyễn Kim mất năm 1545, quân đội ông chỉ huy được con rể là Trịnh Kiểm đảm nhận thay. Từ đó trở đi, họ Trịnh tiếp quản lực lượng ấy. Trong năm 1592, Trịnh Tùng lấy lại vùng đồng bằng sông Hồng từ tay triều Mạc, sau đó, họ Trịnh cai trị miền Bắc khoảng 2 thế kỷ. Thời Lê Trung hưng, hoàng đế được lên ngôi theo nghi lễ, nhưng quyền lực thực chất lại nằm trong tay chúa Trịnh. Đặc biệt, từ khi Trịnh Tùng nhận tước vương và mở Vương phủ vào năm 1599, chúa Trịnh đã hoàn toàn nắm thực quyền chính trị.

Khi phân tích chính quyền Lê – Trịnh, cần chú ý đến quan điểm của Sakurai Yumio, nhà nghiên cứu lịch sử làng xã Việt Nam¹. Tác giả này cho rằng, “quyền lực trung gian” ở các làng xã thuộc đồng bằng sông Hồng bắt đầu mạnh dần lên từ thế kỷ XVII và thế kỷ XVIII. Nhưng Sakurai chưa giải thích được rõ ràng nội hàm của thuật ngữ “quyền lực trung gian”, vì còn chưa rõ được nhiều bộ phận trong chế độ và quan chế của chính quyền Lê – Trịnh². Thế nên, không thể đặt lực lượng ấy vào trong bộ máy nhà nước đương thời, do không thể biết rõ ảnh hưởng

* Đại học Quốc gia Hiroshima, Nhật Bản.

của chính quyền Lê – Trịnh đến làng xã như thế nào. Các nghiên cứu về thời Lê – Trịnh đã phê phán tính chất “quân phiệt” của chính quyền họ Trịnh, và cho rằng quyền lực của chúa Trịnh nằm chủ yếu ở quân đội vùng Thanh Hoá và Nghệ An³. Nhưng các nghiên cứu này chưa chỉ ra cụ thể chính quyền Lê – Trịnh kiểm soát đồng bằng sông Hồng bằng bộ máy nhà nước nào. Vì vậy, nguyên nhân trực tiếp của sự thay đổi ở làng xã vào thế kỷ XVII và thế kỷ XVIII không rõ ràng. Về mặt chính trị của chính quyền Lê – Trịnh, nhà nghiên cứu Nhật Bản Wada Masahiko đã phê phán vai trò của hoạn quan trong lĩnh vực tài chính và quân sự. Thêm vào đó, theo một tác giả khác là Hasuda Takashi, có một hoạn quan đã tham gia vào quan hệ thương mại Việt – Nhật⁴. Cả hai đều nhấn mạnh vai trò của hoạn quan. Nhưng cả hai chỉ đưa ra các sự kiện riêng lẻ về hoạn quan chứ chưa khảo sát được toàn cảnh lúc đó. Vì tài liệu về chế độ và tổ chức chính quyền Lê – Trịnh còn quá ít ỏi nên chưa cho phép ta hiểu đầy đủ về vị trí của hoạn quan trong bộ máy nhà nước đương thời.

Vào những năm gần đây, tình hình tài liệu đã thay đổi nhiều, đặc biệt là bộ *Tổng tập thác bản văn khắc Hán Nôm* (TTTBVKHN)⁵ đã được xuất bản, nên việc sử dụng các tài liệu thác bản của Viện Nghiên cứu Hán Nôm trở nên thuận lợi hơn. Quan chế chính quyền Lê – Trịnh gồm hai hệ quan chức, một được kế thừa từ Lê sơ và một được bổ sung từ cơ chế quan chức Vương phủ của chúa Trịnh. Đặc trưng của tổ chức này là các quan lại đương thời kiêm nhiệm chức quan của cả hai bên. Nhưng phần lớn quan chức triều đình Lê chỉ là chức quan trên danh nghĩa chứ không nắm thực quyền, mà thực quyền nằm trong tay phủ chúa Trịnh. Mặt khác, chức vụ cụ thể của phần lớn quan chức Vương phủ không rõ. Vì vậy, không thể biết rõ một người có hai chức quan làm việc như thế nào. Nhưng một phần thác bản văn trong TTTBVKHN đã ghi tước vị chi tiết và chức năng của quan lại thời bấy giờ, khiến chúng ta có thể biết rõ hơn khi tham khảo tài liệu về chế độ, ví dụ *Lịch triều hiến chương loại chí* (LTHCLC), *Lê triều chiếu lệnh thiện chính* (LTCLTC), và *Lê triều hội điển* (LTHĐ)⁶... Báo cáo này giải thích bộ máy tài chính của Vương phủ dựa trên các tài liệu nói trên, từ đó hiểu rõ thêm những chế độ đã chi phối đồng bằng sông Hồng lúc đó.

1. Chức vụ và tổ chức của Lục Phiên

Trước hết, tôi phải giải thích chức vụ và tổ chức của “Phiên” trong Vương phủ. Từ thế kỷ XVII, Vương phủ có 3 phiên, tức là *Hộ phiên*, *Binh phiên* và *Thủy sư phiên*. Vào năm 1718, Trịnh Cương chia thành *Lại phiên*, *Hộ phiên*, *Lễ phiên*, *Binh phiên*, *Hình phiên* và *Công phiên*, tức Lục Phiên. LTHCLC viết về chức vụ và các quan lại đó như sau: “Trong đời Vĩnh Thịnh [1705 – 1720] của Lê Dụ Tông, bắt đầu đặt quan Lục Phiên. Theo quan chế cũ thời Trung hưng chỉ có ba phiên: Binh, Hộ và Thủy sư, tổng số thân lại hơn 100 người, giờ đây đặt thành sáu phiên: Lại, Hộ, Lễ, Binh, Hình, Công cho thuộc về (các cung) Tả trung, Hữu trung, Đông, Tây,

Nam, Bắc và gọi là Lục Cung. Phàm những việc tiền tài, thuế khoá, việc quân, việc dân ở trong cung cùng ở bốn trấn, hai xứ Thanh – Nghệ, các trấn ngoại, đều thuộc cả về các phiên ty. Sai quan văn đến *Tri phiên*, nội thần và các văn thuộc được bổ sung chức *Phó tri phiên* và *Thiêm tri phiên*, thuộc lại ở mỗi phiên có 60 người. Chức vụ Lục Phiên nhiều và trọng yếu, chuyên hết mọi việc của Lục Bộ”⁷.

Từ đoạn này, có thể hiểu là sau khi ba phiên được tổ chức lại thành sáu phiên, thì chức vụ của Lục Bộ được Lục Phiên chấp thuận, và quan lại cao cấp của Lục Phiên gồm các chức *Tri phiên*, *Phó Tri phiên*, *Thiêm Tri phiên*..., được bổ nhiệm cho các quan văn, hoạn quan, văn thuộc (gia thần của chúa Trịnh). Cả tác giả Sakurai lẫn tác giả Lê Kim Ngân đều nhất trí rằng các cơ quan triều đình Lê đã mất thực quyền sau khi thành lập Lục Phiên⁸. Nhưng Sakurai đối lập với Lê Kim Ngân về quan hệ giữa Lục Phiên và Lục Cung, thế nên cần phải khảo sát hai quan điểm này để hiểu cho rõ về tổ chức tài chính của Vương phủ.

Lục Cung là tập hợp của các Hiệu Trung thu, mỗi Cung có khoảng 15 Hiệu Trung thu (xem biểu 1). Các Hiệu Trung thu có chức năng khác nhau. Hiệu Giáp trung và Hiệu Ất trung của các Cung là Hiệu Trung thu để thu thuế từ Nội vi tử, các Hiệu này có hai Thu hiệu ở địa phương. Hiệu Thu tiền và Hiệu Phát tiền của các Cung là cơ quan thu thuế từ các Lộ xã để cấp lương bổng cho quan lại⁹. Ngoài ra, các Cung có các loại Hiệu Trung thu để thu thuế từ Ngoại trấn, thu các thổ sản, thu thuế từ các cơ quan tôn giáo và các phường, và thu thuế tôn động... Nói tóm lại, Lục Cung là tên của nhóm cơ quan thu thuế. Ở đây, các loại thuế được chia làm sáu phần.

Theo Sakurai, Lục Phiên của Vương phủ tương đương Lục Bộ ở triều đình Lê. Vì vậy việc tài chính của Hộ bộ được chuyển cho Hộ phiên, và tất cả Lục Cung đều thuộc phạm vi quyền hạn của Hộ phiên. Trường hợp này, Lục Cung là tổ chức cấp dưới của Hộ phiên¹⁰. Nhưng theo Lê Kim Ngân, thì mỗi Phiên quản lý một Cung về mặt thu thuế, Lại phiên quản lý Cung Tả trung, Hộ phiên quản lý Cung Hữu trung, Lễ phiên quản lý Cung Đông, Binh phiên quản lý Cung Nam, Hình phiên quản lý Cung Tây, và Công phiên quản lý Cung Bắc. Về mặt chi tiêu, Hộ phiên cho phép các phiên làm¹¹. Trường hợp này, chức năng của Lục Phiên rất phức tạp. Nếu theo Lê Kim Ngân, Lục Phiên làm việc của Lục Bộ, hơn nữa lại làm việc tài chính.

Có thể xem xét *Bách ty Thứ vụ* (BTTV)¹² để phân tích cả hai quan điểm. Tài liệu này viết về chức năng của các cơ quan vào năm 1751. Ví dụ, tài liệu này viết về việc làm của Công bộ và Công phiên như sau:

Công bộ: “Chức vụ của Công bộ là tra khám, xét lại những vụ kiện tụng do Công phiên đã xử, cùng đảm nhiệm các công việc chế tạo các vật ban thưởng; tất cả đều chiếu theo điều lệ phụng hành”.

Công phiên: “Chức vụ của Công phiên là coi giữ sổ sách về thể lệ thuế ruộng thuế sưu thuộc phạm vi Cung của Phiên mình. Tức như có sự tăng giảm cùng miễn trừ ngạch thuế đinh thuế điền cũ, hoặc do phụng chỉ hoặc do công nghị, Công phiên đều phải kê khai mọi việc cho đầy đủ rồi dùng ấn của Phiên mình đóng vào, đem nộp tại Công điểm. Công phiên phải tra xét, so sánh cho chính xác đích thực mới có thể đề phòng sự lầm lẫn. Về các cơ – xưởng công, thuyền công cùng bánh xe gỗ, bàn in bằng gỗ, bàn làm sắt, bàn làm sơn, và cỏ bông, giáo mác, cánh cửa, cột nhà mọi hạng, Công phiên phải thẩm lượng, chiếu số dùng hàng năm xem mới cũ, chất gỗ bên mục thế nào; nếu như không thể tu sửa, không thể chèo chống được, thì Công phiên phải chiếu lệ thiết kế riêng biệt từng chiếc thuyền, từng mái chèo. Ngoài ra, hễ có việc gì liên quan tới công tác, Công phiên đều phải nhất nhất chuẩn bị, đợi có việc sửa chữa chấp vá, thì tức khắc làm liền, mỗi việc đều phải làm cho bền bỉ chắc chắn. Công phiên cũng coi việc cấp phát (ruộng đất) thuộc phạm vi Cung của Phiên mình. Những quan chức nhỏ thuộc Công phiên xếp đặt cho đủ các nhiều – phu và tra vấn việc từ tụng cùng các việc, đều chiếu tuân điều lệ phụng hành”.

Theo đoạn trên, việc làm của Công bộ bị Công phiên tước đoạt, và Công bộ trở thành cơ quan giám sát Công phiên. Mặt khác, Công phiên không phải chỉ làm việc của Công bộ mà còn làm nhiều việc như quản lý sổ sách về thể lệ thuế ruộng thuế sưu, cấp phát ruộng đất cho quan lại, xét xử tố tụng... Theo BTTV, các Phiên khác cũng vừa làm việc của Lục Bộ vừa làm việc tài chính và tư pháp như Công phiên. Thêm nữa, sự kiện tháng 11, năm Bảo Thái thứ 6 (1725) trong *Đại Việt sử ký toàn thư tục biên* được chép như sau: “Công bộ Tả thị lang Tô Thế Huy bị biếm chức đến Công bộ Hữu thị lang, và Phạm Công Dung bị biếm chức đến Hàn lâm viện Thừa chỉ. Trước đây, trưng thu của các Hiệu đã bị xâm giấu thuế lương nhiều. Vương (Trịnh Cương) đã lệnh Công phiên tính toán và cầm được hoàn toàn tình trạng đó, cho (quan lại của Công phiên) bổ lên và cho thưởng. Nhưng sau đó, người xâm giấu đã khuất lý rồi mà cố gắng biện bác trong xét lại của Công bộ, Tô Thế Huy và các quan lại khẳng định chủ trương của họ. (Trịnh Cương) lệnh cho Trương Công Khải và các quan lại xét lại. Tô Thế Huy và Phạm Công Dung bị biếm chức, vì có quyền nên được phạt nhẹ.”. Theo đoạn này, đầu tiên Trịnh Cương ra lệnh cho Công phiên kiểm tra hành động bất chính của Hiệu Trưng thu. Nhưng quan xét lại của Công bộ đã không công chính, nên Trịnh Cương phải ra lệnh cho Trương Công Khải kiểm tra lại và phạt Tô Thế Huy và Phạm Công Dung. Nếu theo Sakurai cho rằng Lục Cung là tổ chức cấp dưới của Hộ phiên, thì việc Trịnh Cương ra lệnh cho Công phiên kiểm tra sự bất chính của Hiệu Trưng thu rõ ràng là bất hợp lý. Theo BTTV, Công phiên giữ sổ sách về thể lệ thuế của ruộng thuế, nên Trịnh Cương ra lệnh kiểm tra cho Công phiên. Việc Công bộ xét lại việc làm của Công phiên cũng hợp với BTTV. Thêm nữa, một thác bản N.3616 – 3617 trong TTTBVKHN viết về việc quyền góp ruộng đất của Dương Thị Tùng ở xã

Phương Lan như sau: “Năm kia (1783), (xã Phương Lan) bị Công phiên đăng ký sai khoảng 3 mẫu quan điền của xã Văn Lan như là quan điền của xã này. Hàng ngày (chúng tôi) kêu cầu đến Vương phủ, mà Phủ liên quan thừa nhận và quyết định đăng ký lại ruộng đất này như là của xã Văn Lan, nên gửi quyết định đến Công phiên và cho sửa bộ tịch, gửi quyết định đến Hộ phiên và cho biết. (Phí cho việc này) nhiều lắm mà chưa chia tiền phụ đảm được”. Trong đoạn này, quyết định đầu tiên quan điền thuộc xã nào không thuộc Hộ phiên mà là Công phiên. Chỉ thị cải biên sổ sách của Phủ liên quan cũng được gửi đến Công phiên, còn Hộ phiên chỉ thừa nhận thông cáo của Phủ liên quan thôi.

Các tài liệu trên cho thấy, rõ ràng các Phiên ngoài Hộ phiên cũng tham dự việc tài chính như quản lý sổ sách và quyết định sổ thuế... Việc mỗi Cung thuộc mỗi Phiên theo quan điểm của Lê Kim Ngân có thể chấp nhận được, còn quan điểm của Sakurai có vẻ không hợp lý. Thêm nữa, những nghiên cứu về cơ cấu của Lục Cung cho phép nói rằng quan điểm Lục Phiên và Lục Cung là 2 cơ quan khác nhau là không chính xác. Ví dụ, Công thuộc của LTHĐ viết về những người phụ trách của Hiệu Trưng thu trong Cung Bắc như sau: Thu hiệu Văn Giang được 2 người *Tri Công phiên* phụ trách, Thu hiệu Võ Giang được 2 người *Phó tri Công phiên* phụ trách, Thu hiệu Hiệp Hoà được 2 người *Thêm tri Công phiên* phụ trách, và mỗi Hiệu Bắc giáp trung và Hiệu Bắc ất trung được 1 người *Nội sai quan* (hoạn quan) và 1 người *Câu kê* phụ trách¹³. Thêm nữa, 2 người *Tri Công phiên* cũng đồng thời là người phụ trách của *Hiệu Bắc Phát tiền*, 2 người *Phó tri Công phiên* cũng phụ trách việc của *Hiệu Bắc Thu tiền*. Như vậy, các Hiệu chủ yếu của Cung Bắc được quan lại của Công phiên phụ trách, nên sự phân biệt giữa Công phiên và Cung Bắc là không rõ ràng. Do vậy, sẽ phù hợp nếu cho rằng Công phiên và Cung Bắc là một. Điều này sẽ được trình bày rõ ràng hơn trong mục sau, vì tất cả các quan lại làm việc ở Lục Cung đều có chức quan ở Lục Phiên, nhưng Lục Cung lại không có chức quan cho mình.

Tóm lại, Lục Phiên là một cơ cấu tài chính được chia thành 6 khu vực, và cố định mục đích chi tiêu (Lại, Hộ, Lễ, Binh, Hình, Công) cho mỗi khu vực. Lục Cung là tên của một bộ phận làm việc thu thuế và cấp lương bổng cho quan lại trong Lục Phiên. Vì vậy, Lục Phiên vừa làm việc của Lục Bộ, vừa thu thuế từ khu vực mình để duy trì việc làm của các Phiên¹⁴. Nhưng phải chú ý là Lục Phiên không thừa nhiệm tất cả việc làm của Lục Bộ. Đặc biệt, *Thượng thư*, *Tả thị lang*, *Hữu thị lang* trong Lục Bộ có quyền tham dự quyết định chính sách, nhưng quyền này đã được chuyển đến Vương phủ bằng những quan lại kiêm nhiệm các chức quan *Tham tụng*, *Bồi tụng* trong thế kỷ XVII¹⁵. Khi Lục Phiên được thành lập vào năm 1718, việc làm của Lục Bộ chỉ là thuần túy hành chính. Hơn nữa vào thế kỷ XVII, Vương phủ điều hành Hộ phiên, Binh phiên, và Thuỷ sự phiên, và phần lớn chức vụ tài chính và quân sự cũng đã được chuyển đến Vương phủ. Lục Phiên thừa

nhiệm từ Lục Bộ các chức vụ hành chính này, nhưng không được quyền tham dự vào việc quyết định chính sách. Do vậy, chức năng cơ bản của Lục Phiên là cơ quan hành chính, không thể được xem tương đương với Lục Bộ của triều đình.

2. Hoạt động của hoạn quan trong Phiên

Mục trên đã trình bày về cơ cấu của Lục Phiên. Trong mục này, tôi sẽ đưa ra những nghiên cứu về những người làm việc trong Lục Phiên. Các tác giả Wada và Hasuda đã nêu tầm quan trọng của hoạn quan trong chính quyền Lê – Trịnh như đã nói ở trên. Nhưng vị trí của hoạn quan trong tổ chức tài chính của Vương phủ chưa được trình bày cụ thể.

Trước hết, tôi xin giải thích về các chức quan chủ yếu của Lục Phiên. Như mục 1 đã trình bày, Lục Phiên được cấu thành bởi các chức quan như *Tri phiên*, *Phó tri phiên*, *Thiêm tri phiên*... và các chức quan này được bổ nhiệm cho các quan văn, hoạn quan, văn thuộc. Nhưng tên các chức quan này đều là chữ viết tắt. Các tên chức quan đầy đủ là “Tri Thị nội thư tả phiên”, “Phó tri Thị nội thư tả phiên” và “Thiêm tri Thị nội thư tả phiên”. Tất cả tên chính thức của chức quan trong Lục Phiên đã bị lược bỏ các từ “Thị nội thư tả”. Trước từ này có từ biểu thị cấp độ trong Lục Phiên như *Tri*, *Phó tri*, *Thiêm tri*, *Nội sai*, *Câu kê*, *Cai hợp*, *Thủ hợp*..., và sau từ này có tên cơ quan của Phiên. Ví dụ, tên chính thức của *Tri Hộ phiên* là “Tri Thị nội thư tả Hộ phiên”. Vậy tức là Lục Phiên được cấu thành bằng các quan lại “Thị nội thư tả”. Nhưng các tài liệu được biên soạn không viết về Lục Phiên nhiều, nên khó có thể hiểu một cách rõ ràng về cơ cấu của Lục Phiên. Vì vậy mục này sẽ thông qua trích dẫn về các quan lại làm việc trong Lục Phiên từ các thác bản của TTTBVKHN để phân tích đặc trưng quan lại của Lục Phiên.

Các biểu 2, 3, 4 là trích dẫn về danh mục các chức quan cao cấp của Lục Phiên phụ trách Hiệu Trung thu chủ yếu như *Tri phiên*, *Phó tri phiên*, *Thiêm tri phiên*, *Nội sai*, *Câu kê* trong mục Công thuộc của LTHĐ. Trong các biểu này, nguồn gốc xuất thân của quan lại cho biết rất rõ về các quan lại, như xuất thân từ khoa giáp hay hoạn quan...¹⁶. Năm đăng khoa cũng được viết trong cột xuất thân của biểu này. Trước hết, cần xác nhận về mối quan hệ giữa Lục Phiên và Lục Cung theo quan điểm ở mục 1. Từ năm 1718 là năm thành lập Lục Phiên trở đi, bắt đầu xuất hiện các từ chỉ việc làm ở Lục Cung, chẳng hạn như “Thị Tả trung cung (hầu Cung Tả trung)”, “Thị Nam cung (hầu Cung Nam)”... (xem biểu 2, 3). Theo các chức quan này và việc khảo sát quan hệ giữa Lục Phiên và Lục Cung, thì thấy quan hệ giữa các Phiên và các Cung có vẻ thống nhất¹⁷. Điều này xác nhận quan điểm đã nêu ra ở mục 1.

Tiếp theo, sẽ phân tích cơ cấu của *Tri phiên* bằng biểu 2. Vương phủ đồng thời bổ nhiệm những người xuất thân khoa giáp và xuất thân hoạn quan cho *Tri phiên*. Nhưng khác với thời kỳ trước năm 1718, cách sử dụng những người xuất

thân khoa giáp và xuất thân hoạn quan hơi khác nhau. Thời kỳ trước năm 1718, Vương phủ có 3 phiên: Hộ phiên, Binh phiên, Thủy sư phiên. Biểu 2 cho thấy trước năm 1700, Vương phủ chỉ bổ nhiệm chức *Tri Hộ phiên* cho những người xuất thân hoạn quan. Ngược lại, những người xuất thân khoa giáp được bổ nhiệm vào các chức *Tri Binh phiên* và *Tri Thủy sư phiên*. Nhưng từ năm 1700, tất cả các chức *Tri phiên* của 3 phiên đều chỉ bổ nhiệm cho những người xuất thân khoa giáp (xem biểu 2, dòng 17 – 26). Đặc biệt, vào năm 1702, Hộ phiên có hai *Tri phiên* xuất thân khoa giáp là Nguyễn Hành và Đào Quốc Hiến (xem biểu 2, dòng 19, 20). Nhưng đến giờ vẫn chưa kiểm chứng được nguyên nhân xu hướng này vì lượng thông tin vẫn chưa đầy đủ¹⁸. Mặt khác từ năm 1718 trở đi, mỗi *Phiên* có bao gồm 2 *Tri phiên*, trong đó có 1 người xuất thân khoa giáp và 1 người xuất thân hoạn quan. Ví dụ năm 1737, khoa giáp Nguyễn Trác Luân và hoạn quan Nguyễn Thành Châu cùng làm *Tri Hình phiên* (xem biểu 2, dòng 39, 40), vào năm 1771, khoa giáp Phan Lê Phiên và hoạn quan Phạm Huy Đĩnh cùng làm *Tri Hộ phiên* (xem biểu 2, dòng 46, 47).

Nhưng nếu xem xét kỹ hơn, có thể thấy tính chất của quan lại xuất thân khoa giáp và quan lại xuất thân hoạn quan khác nhau nhiều. Ví dụ như trường hợp những hoạn quan làm *Tri phiên* phần lớn đều kiêm nhiệm chức đội trưởng quân đội, đặc biệt là đội trưởng của *Thị hầu* (quân đội do chúa Trịnh trực tiếp quản lý được cấu thành chủ yếu từ Thanh – Nghệ, tức ưu binh). Xu hướng này mạnh hơn từ sau khi thành lập Lục Phiên. Tỷ lệ *Tri phiên* xuất thân hoạn quan mà cũng kiêm nhiệm chức quan của Tư lễ giám khá cao¹⁹. Ngược lại, không có *Tri phiên* nào xuất thân khoa giáp kiêm nhiệm chức chỉ huy quân đội. Việc khắc chức quan ở các văn bia có thể qua loa hoặc tường tận. Nhưng dù vậy thì thông tin của các văn bia cũng đủ để kết luận rằng quan điểm cho *Tri phiên* xuất thân khoa giáp không bao giờ kiêm nhiệm chức chỉ huy quân đội có vẻ là hợp lý. Chức quan kiêm nhiệm của người xuất thân khoa giáp thấp hơn của những người xuất thân hoạn quan²⁰. Và lại, trong biểu này bao gồm nhiều người xuất thân khoa giáp được bổ nhiệm chức *Tri phiên* sau khi thi đỗ 10 năm. Qua đó, có thể kết luận rằng chức *Tri phiên* chỉ giống như một sự khởi đầu trên quan lộ của họ.

Sau đây, chúng tôi sẽ phân tích cơ cấu của *Phó tri phiên*, *Thiêm tri phiên*, và *Nội sai* từ biểu 3. Phần lớn các chức quan này được bổ nhiệm cho hoạn quan, chưa có một người xuất thân khoa giáp nào được bổ nhiệm chức quan này. *Nội sai* vốn để chỉ việc sai khiến hoạn quan từ nội đình đến ngoại triều. Do vậy chức quan này được bổ nhiệm cho hoạn quan là đương nhiên²¹. Nhưng thực tế, chức *Phó tri phiên* và *Thiêm tri phiên* cũng được bổ nhiệm cho hoạn quan khá nhiều. Các hoạn quan này cũng kiêm nhiệm chức chỉ huy quân đội như *Tri phiên*. Phân tích cơ cấu *Câu kê* từ biểu 4 cho thấy kết quả khác nhau nhiều so với biểu 2, 3. Cả những người xuất thân khoa giáp lẫn những người xuất thân hoạn quan đều không được bổ nhiệm

chức *Câu kê*. Chức này dành cho những người “Thi trung Thư toán”, tức là người thi đỗ khoa Thư toán, hoặc *Sinh đồ* (xem biểu 4, dòng 12, 14, 17). Khoa thư toán là quốc thi để chọn quan lại cấp dưới của chính quyền Lê – Trịnh, do đó có thể kết luận rằng chức *Câu kê* được bổ nhiệm cho những người thuộc giai cấp Sĩ nhân nhưng chưa đỗ khoa cử. Tổ chức của Vương phủ không chỉ bao gồm quân nhân Thanh – Nghệ mà còn có cả giai cấp Sĩ nhân. Một nửa những người *Câu kê* cũng kiêm nhiệm chức chỉ huy quân đội, theo đó có hai xu hướng chính là vừa làm quan tài chính và vừa làm quân nhân như hoạn quan.

Theo những xem xét về cơ cấu của Lục Phiên trên đây, cho thấy trong cơ cấu tài chính của Vương phủ, hoạn quan chiếm vị trí rất quan trọng, đúng như quan điểm của Wada và Hasuda²². Ví dụ trong Công phiên, có thể kết luận rằng ít nhất 2 trong 4 *Thu hiệu* của *Phó tri Công phiên*, *Thiêm tri Công phiên* do hoạn quan phụ trách. Thêm nữa *Hiệu Bắc giáp trung* và *Hiệu Bắc ất trung* bao gồm 1 người *Nội sai* và 1 người *Câu kê* phụ trách. Do vậy, ở những cơ quan này, hoạn quan cũng chiếm vị trí quan trọng. Cho nên, phần nhiều thuế thu từ Nội vi tử được hoạn quan quản lý.

Nhưng những phân tích trên chưa cho thấy hoạn quan làm cách nào để trở thành quan lại cao cấp của Lục Phiên. Điều này rất quan trọng trong việc đánh giá phạm vi hoạt động của hoạn quan. May thay, *Phạm công gia phả bi ký* (N. 1456 – 1459; N. 1466 – 1469) trong TTTBVKHN có viết tường tận lý lịch của 2 người hoạn quan; đó là Tắc Trung hầu và Nhĩ Lộc hầu. Biểu 5 và 6 là tóm tắt về lý lịch của 2 người này theo các thác bản này. Các biểu này cho thấy rằng các chức quan của *Tư lễ giám* không liên quan đến việc làm thực tế, và họ được thăng quan do *Suy ân* (một loại chính sách thưởng chức quan khi vua chúa mới lên ngôi, v.v...) hoặc bằng cách nộp tiền. Các chức quan này chỉ biểu thị cấp độ hoạn quan thôi chứ không có việc làm thực chất. Việc làm thực chất được biểu thị bằng các chức quan có các từ như “Thị nội”, “Phụng cai”, “Phụng quản”... “Thị nội” là việc làm trong Vương phủ như là hầu chúa Trịnh hay làm việc trong Lục Phiên. “Phụng cai” là việc thu thuế ở một khu vực hay một địa điểm, tức là việc như quan lại tài chính của Vương phủ. “Phụng cai” xuất hiện nhiều trong biểu 5, nhưng từ năm thành lập Lục Phiên trở đi, không thấy xuất hiện từ này nữa (xem biểu 6). Nhưng điều này không phải là kết quả của việc giảm bớt tổ chức tài chính của Vương phủ. Vì theo biểu 1, các việc làm của “Phụng cai” được gộp vào các loại *Hiệu Trung thu* (xem biểu 1; biểu 5, cột “Phụng cai”). Có lẽ, trong thế kỷ XVII, chức “Phụng cai” được bổ nhiệm theo kỳ cho các quan lại, sau đó được phát triển thành 1 cơ quan chính thức và ổn định là Lục Phiên. “Phụng quản” dùng để chỉ viên chỉ huy của một bộ phận quân đội. Đặc biệt, Nhĩ Lộc hầu trong biểu 6 được thăng đến chức tướng quân quản hạt khu vực đông bắc. Nói cho chính xác, vậy là vượt quá phạm vi “Phụng quản”, nhưng vẫn được ghi vào cột “Phụng quản” cho thuận tiện.

Các biểu này có thể cho thấy rằng những người xuất thân hoạn quan không chỉ đảm nhiệm các chức quan tài chính, mà còn thường kiêm nhiệm việc chỉ huy quân đội. Từ đó, có thể suy ra rằng Vương phủ sử dụng hoạn quan như là quan lại tài chính hoặc quan võ. Hoạn quan trong Vương phủ rất đông nhưng chỉ hoạn quan có đủ kinh nghiệm và có thành tích tốt mới được bổ nhiệm các chức quan cao cấp của Lục Phiên như *Tri phiên*, *Phó tri phiên*, *Thiêm tri phiên*. Cơ sở để Trịnh Giang thành lập *Giám ban* cũng như vậy²³. Trước khi Trịnh Giang thành lập *Giám ban*, thì tổ chức Vương phủ vốn đã dựa vào hoạn quan rất nhiều.

Từ phân tích trên có thể xác định rõ phạm vi hoạt động của hoạn quan. Nhưng tại sao phần lớn quan lại tài chính của Vương phủ lại kiêm nhiệm chức chỉ huy quân đội? Mục sau đây sẽ khảo sát nguyên nhân của điều này.

3. Hoạt động của quan lại cấp dưới ở Lục Phiên

Việc những quan lại cao cấp của Lục Phiên đồng thời kiêm nhiệm chức chỉ huy quân đội đã được trình bày ở mục 2. Điều này là cơ sở để ước đoán về quan hệ mật thiết giữa tổ chức tài chính và tổ chức quân sự. Mục này sẽ khảo sát điều đó qua việc phân tích hệ thống quan lại cấp dưới của Lục Phiên.

Trước hết, tôi sẽ phân tích về chức vị của quan lại cấp dưới trong chính quyền Lê – Trịnh. Thác bản của TTTBVKHN ghi quan lại cấp dưới của Lục Phiên rất nhiều. Nhưng phần lớn chức vị của những người này được khắc qua loa. Vì vậy, phân tích chức vị của từng người theo danh mục này là hết sức khó khăn. Ngược lại, một số ít quan lại cấp dưới của Lục Phiên được khắc tường tận tên chức quan của triều Lê. Biểu 7 là trích dẫn về danh mục các quan lại này²⁴.

Theo biểu 7, các quan lại cấp dưới của Lục Phiên kiêm nhiệm các chức quan triều Lê dưới chính lục phẩm như là *Lục tự Thiệu khanh* (chính lục phẩm), *Tự thừa* (chính thất phẩm), *Đồng Tri phủ* (chính thất phẩm), *Huyện thừa* (tùng bát phẩm), *Sở sử* (tùng bát phẩm)²⁵. Ngoài ra, các quan lại trong biểu 7 bao gồm cả những người xuất thân khoa Thư toán, nên từ đó có thể suy ra rằng các quan lại này đồng chất với nhóm quan lại của chức *Câu kê* (xem biểu 4). Có lẽ, chức cao nhất của các quan lại xuất thân từ khoa Thư toán trong Lục Phiên là *Câu kê*. Tiếp theo, sẽ phân tích xem các chức quan triều Lê của các quan lại này có thực quyền hay không. Các chức quan trung ương của triều Lê đương thời không có thực quyền²⁶. Nhưng còn các chức quan địa phương như *Đồng Tri phủ*, *Huyện thừa*, v.v..., thì khó có thể phỏng đoán như thế. Sở dĩ như vậy là vì có 2 khả năng. Khả năng thứ nhất, Vương phủ trao thêm các chức quan của Lục Phiên cho các quan lại địa phương của triều Lê, và ghép các cơ quan địa phương vào tổ chức tài chính của mình. Nếu thế, tổ chức căn bản của cơ cấu tài chính Vương phủ là các cơ quan địa phương của triều Lê như phủ, huyện. Khả năng thứ hai, Vương phủ có tổ chức cơ sở khác với tổ chức của triều Lê, và những người thuộc cơ cấu tổ chức này kiêm nhiệm chức

quan triều Lê cho thuận lợi. Nếu thế, phải khảo sát cụ thể sự khác nhau về căn bản của tổ chức tài chính với phủ và huyện.

Để phân tích điều này, cần tìm hiểu xem các quan lại cấp dưới của Lục Phiên làm việc ở đâu là thích hợp. Trong “Lệ chuẩn cho những quan chức có công được thăng bổ, và định phẩm trật” của Lại thuộc, LTCLTC (tháng 11, năm thứ 3 niên hiệu Cảnh Trị) viết như sau²⁷: “Tên các viên *Câu kê Văn chức* và *Phó Câu kê Văn chức*, hầu vua lâu ngày có công lao, chưa có chức phẩm, vậy nên bổ chức thất phẩm. Tên các viên *Cai tư*, *Cai hợp*, hầu vua lâu ngày có công lao, chưa có chức phẩm, vậy nên bổ chức bát phẩm. Các viên *Thủ hợp* hầu vua lâu ngày có công lao, chưa có chức phẩm, vậy nên bổ chức tòng bát phẩm... Các viên *Câu kê Văn chức*, *Phó Câu kê*, *Cai hợp*, *Thủ hợp* hầu ở các “Vương thân Trưởng doanh” lâu ngày có công lao, chưa có chức phẩm, vậy nên bổ chức cửu phẩm.”. Đoạn trích trên nhằm đưa ra ví dụ cụ thể của chính sách bổ nhiệm các chức quan triều Lê tương đương với các chức quan của Vương phủ. Phần lớn quan lại của Lục Phiên được kiêm nhiệm các chức quan của triều Lê như đoạn trích trên. Chính sách này tương tự với chính sách bổ quân nhân vào các chức quan võ của triều Lê. Biểu 7 là kết quả của chính sách như thế. Đáng chú ý là *Câu kê*, *Phó Câu kê*, *Cai hợp*, *Thủ hợp* của “Vương thân Trưởng doanh” cũng được bổ quan phẩm. Thường họ hàng của chúa Trịnh được bổ nhiệm vào chức sỹ quan chỉ huy của “Doanh (Quân doanh)”, là một đơn vị lớn của quân đội trong chính quyền Lê – Trịnh ở thế kỷ XVII²⁸. Đoạn trích trên cho thấy các quan lại tài chính không chỉ làm việc ở Vương phủ mà còn làm việc ở các nơi đóng quân. Có một đoạn trong LTHĐ (Binh thuộc, đồn trấn binh lương) viết về quy định hành chính để cung cấp tiền lương hàng tháng cho các binh sỹ ở nơi đóng quân. Theo đó, “Thị nội thư tả của các phiên” cũng được cung cấp 330 tiền mỗi tháng. Theo hai tài liệu trên, có thể suy ra rằng ở địa phương, các quan lại cấp cao của Lục Phiên kiêm nhiệm chức chỉ huy quân đội điều hành các quan lại cấp dưới làm việc tại nơi đóng quân. Nếu thế, chức quan triều Lê của các quan lại này chỉ là hình thức, và các cơ quan địa phương của triều Lê, như là phủ, huyện v.v..., không đóng vai trò căn bản của tổ chức tài chính. Nếu xem xét về địa điểm làm việc của các quan lại này, có thể suy ra rằng những nơi đóng quân ở các địa phương đóng vai trò căn bản trong tổ chức tài chính của Vương phủ.

Nếu đơn vị căn bản của tổ chức tài chính đồng nhất với tổ chức quân sự ở địa phương như nói trên, thì cần tìm hiểu quan hệ giữa tổ chức này và các cơ quan địa phương. Đoạn của Huyện quan trong BTTV viết như sau: “Phàm các nha môn trong ngoài, trừ *Viên cai* đi thu thuế quý, *Phụng sai* đi thu thuế tô và thuế điệu và các chức *Trấn thủ lưu thủ* đi nã bắt trộm cướp, thì phàm có việc gì mà đến nhân dân trong bản hạt, phải đưa trình giấy thị thiếp [do nha môn cấp].”. Theo trích dẫn này, quan huyện không quản hạt được các hoạt động thu thuế do *Viên cai* và *Phụng sai* thực hiện, và không tham dự được hoạt động của Trấn thủ. *Viên cai*

đồng nghĩa với *Sở cai*, dùng để chỉ chức quan thu thuế từ các lộc xã. Thuế thu được nộp đến *Hiệu Thu tiền* và *Hiệu Phát tiền* của các Cung, sau đó được cấp cho các quan lại. *Phụng sai*, nói một cách chính xác, là một khái niệm dùng để sai phái quan lại đến *Trấn thủ* hoặc các thuộc quan của *Trấn thủ*. Vì vậy, trong câu trên, “Phụng sai” chỉ những quan lại được “phụng sai”, tức là tất cả quan lại của *Trấn thủ*. Như đã nêu, khá nhiều quan lại cao cấp của Lục Phiên kiêm nhiệm chức chỉ huy, và các quan lại cấp dưới của địa phương làm việc ở nơi đóng quân. Do vậy, khái niệm *Phụng sai* bao gồm cả hai nhóm quan lại này. Câu này chỉ các quan lại của Lục Phiên và Trấn thủ thu thuế từ Nội vi tử. Quan huyện hoàn toàn bị hạn chế khỏi việc thu thuế.

Một điểm cần xem xét nữa là cơ quan nào có quyền tư pháp về việc tố tụng thu thuế. LTTĐ (hình thuộc) có một đoạn viết về điều này như sau: “Chuẩn định vào năm thứ 3 Bảo Thái (1722). Về việc *Sở cai* vạch tội của người dân và xã, hoặc việc người xã kêu trưng thuế bất chính, quan Phiên thông suốt trong khoảng 3 ngày, tra hỏi trong khoảng 10 ngày. Nếu (một người) không phục kêu lại, thì [quan Phiên] phải để trong khoảng 10 ngày. Tố tụng này không được chấp.”. Đoạn này cho biết việc quan lại của Lục Phiên giải quyết tranh chấp về thu thuế giữa *Sở cai* và người dân vào năm 1722. Trong thế kỷ XVII, Hộ bộ và các phủ đã quản lý sổ sách thu thuế. Nhưng khi Lục Phiên thành lập vào năm 1718, thì quyền hạn quản lý sổ sách thu thuế được chuyển đến Lục Phiên. Quyền tư pháp về tố tụng thu thuế cũng được chuyển sang cho Lục Phiên. Điều này có nghĩa Lục Phiên không chỉ quản hạt thu thuế mà còn có quyền tư pháp về các tranh chấp trong việc thu thuế. Như thế, cơ quan của triều Lê hoàn toàn bị loại khỏi cơ cấu tài chính ở địa phương. Theo kết quả này, nơi đóng quân trở thành một phần tổ chức tài chính của Vương phủ trong chính quyền Lê – Trịnh.

Kết luận

Đặc trưng của chính quyền Lê – Trịnh là tồn tại song song hai chế độ trong một chính quyền. Chính quyền này vừa kế thừa chế độ triều Lê của thế kỷ XV vừa hình thành một tổ chức khác là Vương phủ. Qua việc phân tích Lục Phiên, báo cáo này đã khảo sát việc Vương phủ tổ chức cơ cấu tài chính như thế nào trong tình hình này.

Trước hết, Lục Phiên đối với Lục Bộ giống như Lại phiên – Lại bộ, trong đó các phiên thừa nhiệm việc làm của các bộ. Nhưng, đồng thời các phiên có tổ chức thu thuế theo khu vực thu thuế của mình, nên cũng có chức năng của một tổ chức tài chính. Vì vậy, chức năng của Lục Phiên khác nhiều so với Lục Bộ. Hơn nữa, khá nhiều quan lại cao cấp của Lục Phiên kiêm nhiệm chức chỉ huy quân đội, và trong nhóm quan lại này, tỷ lệ hoạn quan rất cao. Đặc biệt, phần lớn thuế thu của Nội vi tử là thu nhập chủ yếu của Vương phủ, được hoạn quan quản lý.

Các hoạn quan cao cấp này kiêm nhiệm chức chỉ huy quân đội và quản lý các quan lại cấp dưới cũng thuộc Lục Phiên tại nơi đóng quân. Vì vậy, nơi đóng quân ở các địa phương cũng đóng vai trò là căn bản tổ chức của bộ máy tài chính cho Vương phủ.

Có lẽ, nguyên nhân khiến chính quyền Lê – Trịnh hình thành tổ chức như thế này là vì chúa Trịnh đã xây dựng bộ máy tài chính của riêng nhà Trịnh trên cơ sở lợi dụng cơ cấu quân sự. Đương thời, chế độ quân sự của triều Lê đã hoàn toàn đổ nát. Theo nhận định này thì bộ máy tài chính và cơ cấu quân sự hợp làm một, nên nơi đóng quân có hai tính chất vừa là căn cứ giữ trật tự và vừa là đơn vị căn bản của tổ chức thu thuế. Trong báo cáo trước, tôi đã phân tích về hoạt động của quân nhân và binh sỹ trong thế kỷ XVII, và cho rằng ở địa phương những người này đã thành lập cơ quan cho mình²⁹. Một nguyên nhân của hiện tượng này là do bộ máy tổ chức như đã nêu trong báo cáo này. Ngoài ra, bộ máy tổ chức này cho phép giải thích hoạt động tích cực của hoạn quan trong hai lĩnh vực tài chính và quân sự. Vì cơ cấu tài chính và cơ cấu quân sự đã kết hợp làm một, nên tất nhiên hoạn quan trong bộ máy này làm việc cả hai. Ví dụ, Hoàng Ngũ Phúc, một hoạn quan cuối thế kỷ XVIII, cũng vốn làm việc ở Hình phiên, sau đó được bổ vào chức sỹ quan chỉ huy³⁰.

Nhưng vấn đề quan trọng nhất là tại sao trong chính quyền Lê – Trịnh, hoạt động của hoạn quan lại rộng lớn như thế. Như ý kiến của Hasuda, hoạt động của hoạn quan trong chính quyền Lê – Trịnh giống với triều Minh. Nhưng có điểm rất khác nhau với triều Minh là Vương phủ vốn không phân biệt rõ “Nội đình” và “Ngoại triều”. Có lẽ, để khảo sát điều này phải suy xét rằng hoạn quan của chính quyền Lê – Trịnh hoạt động ở cả bộ máy tài chính và quân sự, mà cả hai bên đều được chúa Trịnh tự tổ chức bên ngoài chế độ của triều Lê. Việc chúa Trịnh thành lập “Ngoại triều” chính thức cho mình là rất khó khăn vì hoàng đế của triều Lê còn tồn tại. Trong tình hình này, chúa Trịnh đã phóng đại tổ chức của Vương phủ và không phân biệt “Nội đình” và “Ngoại triều”. Có lẽ kết quả này làm phạm vi hoạt động của hoạn quan trong Vương phủ trở nên rộng lớn.

[Biểu 1] Trương thu hiệu của Lục cung (Tuỳ theo *Hội điển*, *Hộ thuộc*, *Trương thu hiệu*)

	Cung Tả trung (thuộc Lại phiên)	Cung Hữu trung (thuộc Hộ phiên)	Cung Đông (thuộc Lễ phiên)	Cung Nam (thuộc Binh phiên)	Cung Tây (thuộc Hình phiên)	Cung Bắc (thuộc Công phiên)
.	Hiệu Tả giáp trung	Hiệu Hữu giáp trung	Hiệu Đông giáp trung	Hiệu Nam giáp trung	Hiệu Tây giáp trung	Hiệu Bắc giáp trung
	(Thu hiệu Thượng Phúc, Ngự Thiên)	(Thu hiệu Phú Ninh, Thái Bình)	(Thu hiệu Kim Thành, Tiên Minh)	(Thu hiệu Thiên Trường, Thiên Thi)	(Thu hiệu Phúc Lộc, Quảng Nam)	(Thu hiệu Võ Giang, Hiệp Hoà)
	Hiệu Tả ất trung	Hiệu Hữu ất trung	Hiệu Đông ất trung	Hiệu Nam ất trung	Hiệu Tây ất trung	Hiệu Bắc ất trung
	(Thu hiệu Nam Chân, Gia Định)	(Thu hiệu Thanh Uy, Chương Đức)	(Thu hiệu Thượng Hồng, Gia Phúc)	(Thu hiệu Kiến Xương, Nghĩa Hưng)	(Thu hiệu Đương Đạo, Tam Nông)	(Thu hiệu Văn Giang, Bảo Lộc)

Tiền hiệu	Hiệu Tả thu tiền	Hiệu Hữu thu tiền	Hiệu Đông thu tiền	Hiệu Nam thu tiền	Tây thu tiền hiệu	Hiệu Bắc thu tiền
	Hiệu Tả phát tiền	Hiệu Hữu phát tiền	Hiệu Đông phát tiền	Hiệu Nam phát tiền	Tây phát tiền hiệu	Hiệu Bắc phát tiền
Thổ sản	Hiệu Giáp ty, Hiệu Ất ty,	Hiệu Quạt điệp, Hiệu Diễm lung,	Hiệu Giáp điệp, Hiệu Ất điệp,	Hiệu Giáp tất, Hiệu Ất tất,	Hiệu Chủ tác, Hiệu Hồng đồng	Hiệu Giáp hàm, Hiệu Ất hàm,
	Hiệu Trúc loại, Hiệu Chức loại,	Châu Trình Cao, Châu Quy Hợp	Hiệu Giáp kiên, Hiệu Ất nhị,	Hiệu Giáp cấm, Hiệu Ất cấm,		Hiệu Xích mật, Hiệu Bạch diễm,
	Phủ Trấn Yên, Phủ Trà Lân		Hiệu Lệ chi			Hiệu Hoa ngư, Hiệu Tiên ngư
Ngoại trấn	Hiệu Cao Bằng	Hiệu Vạn Ninh	Hiệu Tuyên Quang	Hiệu Thái Nguyên	Hiệu Hưng Hoá	Hiệu Lạng Sơn
Thanh-Nghệ	Nghệ An đốc thu	Thanh Hoá đốc thu				
		Thanh Hoá xứ điền trang				
Nghị lễ	Hiệu Thượng tiến	Hiệu phát Tư sự	Hiệu thu Tư sự	Hiệu Cung tiến		
Loát hiệu	Hiệu Loát nhất	Hiệu Loát nhị	Hiệu Đông loát	Hiệu Nam loát	Hiệu Tây loát	Hiệu Bắc loát
Trí giáo phường	Nghệ An Trí giáo phường	Thanh Hoá Trí giáo phường	Hải Dương Trí giáo phường	Sơn Nam Trí giáo phường	Sơn Tây Trí giáo phường	Kinh Bắc Trí giáo phường
Cung biếu, chúa		Điện Thái miếu, Điện Văn miếu, Quán Trấn Vũ	Hải Dương xứ cung miếu	Điện Nam giao, Sơn Nam xứ cung miếu, Chùa Viên Quang, Chùa Thần Quang	Sơn Tây cung miếu	Kinh Bắc cung miếu,
Ngoại ra	Hiệu Chân Bình, Tích Thủ tỷ	Hiệu Nhạc Trường, Hiệu Tứ kỳ			Hiệu Nội thực phạt, Hiệu Ngoại thực phạt	Hiệu Quan phương, Tào Ngô và Ngoại quốc, Tào Hoà-phương và Bút-kê-chi
Quan khổ	Tả linh quan khổ	Hữu viên quan khổ	Bồ Đề quan khổ	Nam viên quan khổ	Cầu nhiên quan khổ	Điều diên quan khổ

[Biểu 2] Danh sách của Tri phiên trong *Tổng tập Thác bản*, q.1-7.

Số	Năm	Họ tên	Chức vị	Xuất thân	Mã số thác bản
1	1663	Nguyễn Đăng Khoa	Đại thần, Phụng sai Thanh Hoá xứ Trấn thủ quan, <i>Cai tri Bộ binh Lệnh sử nha môn</i> , Kiểm tri An Trường phủ, Tư lễ giám Tổng thái giám các giám tư sự, Trung quân Đô đốc phủ Tả Đô đốc, Thọ quận công	Hoạn quan	3703-3704
2	1679	Lê	Tứ Tiến sỹ đệ, Thị Nội tán, <i>Tri Binh phiên</i> , Bồi tụng, Hình khoa Cấp sự trung	Khoa giáp	6068
3	1683		Vương phủ Thị hậu Hữu cơ, <i>Tri Thị nội thư tá Hộ phiên</i> , Tổng thái giám, Cai quan, Thự vệ sự, Nhượng quận công	Hoạn quan	4161-4162
4	1689	Đặng Đình Tường	Tứ Canh Tuất khoa Tiến sỹ, Tri Thuỷ sự, Lại khoa Cấp sự trung	Khoa giáp (1670)	1710-1713; 2605-2606
5	1689	Nguyễn Công Nhạc	Tứ Canh Thân khoa Đề nhị giáp Tiến sỹ xuất thân, <i>Tri Thị nội thư tá Binh phiên</i> , Hình khoa Cấp sự trung	Khoa giáp (1680)	5568-5571
6	1690	Ngô Công Triều	Đặc tiến phụ quốc đại tướng quân, Thân Võ tư vệ quân vụ sự, Tư lễ giám Tổng thái giám, <i>Tri Hộ phiên Thị nội thư tá</i> , Dũng quận công	Hoạn quan	714-717
7	1693	Đặng Đình Tường	Tứ Canh Tuất khoa Đồng tiến sỹ xuất thân, Hoàng tín đại phu, <i>Tri Thuỷ sự</i> , Thái bộc Tự khanh	Khoa giáp (1670)	6390-6393
8	1695	Đặng Đình Tường	Tứ Canh Tuất khoa Đồng tiến sỹ xuất thân, <i>Tri Thuỷ sự</i> , Bồi tụng, Thái bộc Tự khanh	Khoa giáp (1670)	6459-6462
9	1696	Nguyễn	Tư lễ giám Thiêm thái giám, Quản Kim Hộ vệ, <i>Tri Thị nội thư tá Hộ phiên</i> , Thục Nghĩa hầu	Hoạn quan	3986-3989

10	1696	Đặng Đình Tường	Tứ Canh Tuất khoa Đề tam giáp Đồng tiến sỹ xuất thân, Hoàng tín đại phu, Bồi tụng, Thái bộc Tư khanh, <i>Tri Thủy sư</i> , Thự Trung thư giám	Khoa giáp (1670)	3986-3989
11	1696	Vũ Thanh	Tứ Ất Sửu khoa Đề nhất giáp Tiến sỹ cập đệ, <i>Tri Thị nội thư tả Hộ phiên</i> , Bồi tụng, Lễ khoa Đô cấp sự trung	Khoa giáp (1685)	6315-6317
12	1697	Hà Tông Mục	Tứ Mậu Thìn khoa Tiến sỹ, Quý Dậu Từ mệnh Đề nhị danh, Hoàng tín đại phu, Bồi tụng, Phụng Thiên Phủ doãn, Nội tán, <i>Tri Thủy sư</i>	Khoa giáp (1688)	6350-6353
13	1698	Hà Tông Mục	Tứ Mậu Thìn khoa Đề tam giáp Đồng tiến sỹ xuất thân, Tiến sỹ Từ mệnh Đề nhị danh, Hoàng tín đại phu, Bồi tụng, Hồng lô Tự khanh, <i>Tri Thủy sư</i>	Khoa giáp (1688)	275-276; 289-290
14	1699	Đặng Đình Tường	Tứ Canh Tuất khoa Đồng tiến sỹ xuất thân, Hoàng tín đại phu, Bồi tụng, Thái bộc Tự khanh, <i>Tri Thủy sư</i> , Thự Trung thư giám	Khoa giáp (1670)	5210-5213
15	1700	Đặng Đình Tường	Quang tấn thân lộc đại phu, Bồi tụng, Cong bộ Tả thị lang, <i>Tri Thủy sư</i> , Thự Trung thư giám, Ứng Xuyên nam	Khoa giáp (1670)	1225-1228
16	1700	Đặng Kiên	Phụng thị Nội điện Hiệu Lực tư, <i>Tri Thị nội thư tả Hộ phiên</i> , Tư lễ giám Thiêm thái giám, Nghiêm hầu	Hoạn quan	5118-5119
17	1702	Đặng Đình Tường	Tứ Canh Tuất khoa Đồng tiến sỹ xuất thân, Bồi tụng, Cong bộ Tả thị lang, <i>Tri Thủy sư</i> , Thự Trung thư giám, Ứng Xuyên nam	Khoa giáp (1670)	3197-3198
18	1702	Nguyễn Công Đồng	Tứ Ất Sửu khoa Tiến sỹ, <i>Tri Thị nội thư tả Bình phiên</i> , Bồi tụng, Hộ khoa Đô cấp sự trung	Khoa giáp (1685)	5109-5112
19	1702	Nguyễn Hành	Tứ Mậu Thìn khoa Đề tam giáp Đồng tiến sỹ xuất thân, Bồi tụng, Lại khoa Đô cấp sự trung, <i>Tri Thị nội thư tả Hộ phiên</i>	Khoa giáp (1688)	6435-6438
20	1702	Đào Quốc Hiến	Tứ Tân Mùi khoa Đề tam giáp Đồng tiến sỹ xuất thân, Bồi tụng, Hình khoa Cấp sự trung, <i>Tri Thị nội thư tả Hộ phiên</i>	Khoa giáp (1688)	6435-6438
21	1703	Quách Giai	Tứ Quý Hợi khoa Thám hoa cập đệ, Bồi tụng, Lại khoa cấp sự trung, <i>Tri Thị nội thư tả Bình phiên</i>	Khoa giáp (1683)	3413-3414
22	1704	Nguyễn	Nội giảng, <i>Tri Thị nội thư tả Bình phiên</i> , Sơn Nam đào Giám sát ngự sử		2319-2322
23	1704	Đào Hoàng Thực	Tứ Tiến sỹ đệ, Thanh Hoá đào Giám sát ngự sử, Nội tán, <i>Tri Thủy sư</i>	Khoa giáp (1697)	4199-4200
24	1706	Trương Công	Tứ Ất Sửu khoa Tiến sỹ, Bồi tụng, Hồng lô Tự khanh, <i>Tri Thị nội thư tả Hộ phiên</i>	Khoa giáp (1685)	6439-6442
25	1711	Lê Anh Tuấn	Tứ Giáp Tuất khoa Đề tam giáp Đồng tiến sỹ xuất thân, Hoàng tín đại phu, Bồi tụng, Thái bộc Tự khanh, <i>Tri Thị nội thư tả Hộ phiên</i>	Khoa giáp (1694)	5576-5579
26	1713	Nguyễn	Tứ Mậu Thìn khoa Tiến sỹ, Bồi tụng, Phụng Thiên Phủ doãn, <i>Tri Thị nội thư tả Bình phiên</i>	Khoa giáp (1688)	1462-1465; 1466-1469
27	1715	Nguyễn	Bồi tụng, Hồng lô Tự khanh, <i>Tri Thị nội thư tả Hộ phiên</i>		5855-5858
28	1716	Nguyễn Hiệu	Bồi tụng, Hồng lô Tự khanh, <i>Tri Thị nội thư tả Hộ phiên</i>	Khoa giáp (1700)	2752-2755
29	1718	Phạm Công Trăn	Tri Công tượng Tả Tượng cơ, <i>Nam cung</i> , Cai quan, <i>Tri Thị nội thư tả Bình phiên</i> , Thị Nội giám Tư lễ giám Tổng thái giám, Thự vệ sự, Tắc quận công	Hoạn quan	452-455
30	1718	Nguyễn Thế Nho	<i>Tri Thị nội thư tả Lại phiên</i> , Tri Công tượng Tiền tượng cơ, Phó cai quan, Thị Nội giám Tư lễ giám Tổng thái giám, Thự vệ sự, Quán quận công	Hoạn quan	5370-5371
31	1726	Bùi Nhân Hữu	<i>Tây cung</i> , Thị hậu Nhuệ Trung đội Phó thủ hiệu, <i>Kiểm Tri Hình phiên</i> , Tư lễ giám Thiêm thái giám, Tinh Diễm hầu	Hoạn quan	6488-6489
32	1727	Nguyễn Thái Thường	<i>Tri Thị nội thư tả Hộ phiên</i> , Thị Nội giám, Đặt Vĩnh hầu	Hoạn quan	2343-2344
33	1734	Bạch Phấn Ưng	Tứ Giáp Thìn khoa Đề tam giáp Đồng tiến sỹ xuất thân, Hàn Lâm viện Đãi chế, <i>Tri Hình phiên</i>	Khoa giáp (1724)	4209-4210
34	1734	Nguyễn Đình Luân	Cửu tiên tả cung, <i>Tri Thị nội thư tả Hộ phiên</i> , Quang lộc Tự khanh		1471-1474
35	1736	Nguyễn Trác Luân	Hàn lâm viện Đãi chế, <i>Tri Thị nội thư tả Hình phiên</i>	Khoa giáp (1721)	4553-4555
36	1736	Nguyễn Vĩ	Đề hình giám sát ngự sử, <i>Tri Thị nội thư tả Bình phiên</i>	Khoa giáp (1727)	4553-4555
37	1737	Trần	Tứ Quý Sửu khoa Tiến sỹ, <i>Tri Thị nội thư tả Hình phiên</i> , Chiêu hoà quán Tư huấn	Khoa giáp (1733)	824-827
38	1737	Nguyễn Đình Luân	Phụng quân Cửu tiên tả cung, <i>Tri Thị nội thư tả Hộ phiên</i> , Quang lộc Tự khanh		867-870; 3274-3275

BỘ MÁY TÀI CHÍNH CỦA CHÍNH QUYỀN LÊ – TRỊNH THẾ KỶ XVIII...

39	1737	Nguyễn Trác Luân	Tân Sứ khoa Tiến sỹ, Hàn lâm viện Đãi chế, <i>Tri Thị nội thư tá Hình phiên</i>	Khoa giáp (1721)	3423-3424
40	1737	Nguyễn Thành Châu	<i>Thị Tây cung, Tri Thị nội thư tá Hình phiên</i> , Phó Thủ hiệu, Phó Cai quan, Tri Công tượng Tả tượng cơ, Thị Nội giám Tư lễ giám Tổng thái giám, Tham đốc, Quý quận công	Hoạn quan	3518-3520; 3529-3532; 3535-3536
41	1744	Đỗ Nguyễn Thuý	<i>Thị Bắc cung, Tri Thị nội thư tá Công phiên</i> , Chính Thủ hiệu, Thị hậu vệ Tả thủy cơ Cai cơ quan, Thị Nội giám Tư lễ giám Tổng thái giám, Đô đốc phủ Đô đốc đồng tri, Cơ quận công	Hoạn quan	2453-2454
42	1761	Vũ Miến	Tứ Mậu Thìn khoa Tiến sỹ, <i>Nhập thị Thiêm sai Tri Thị nội thư tá Lễ phiên</i> , Sơn Tây đào Giám sát ngự sử	Khoa giáp (1748)	6342
43	1763		Cần sự lang, Hàn lâm viện Hiệu thảo, <i>Thiêm sai Tri Thị nội thư tá Binh phiên</i>		952-953
44	1767	Vũ Miến	Tứ Mậu Thìn khoa Tiến sỹ, <i>Nhập thị Thiêm sai Tri Thị nội thư tá Lễ phiên</i> , Hành Binh bộ Hữu thị lang, Nhập thị Bồi tụng, kiêm Quốc tử giám Tư nghiệp, Hàn lâm viện Thị thư	Khoa giáp (1748)	3148-3149
45	1687	Nguyễn Thường	Giáp Tuất khoa Tiến sỹ đệ, Thiêm sai Tri Thị nội thư tá Hộ phiên, Hàn lâm viện Thị giảng thị sinh, Khánh.....bá	Khoa giáp (1754)	4220-4223
46	1771	Phạm Huy Đĩnh	Suy trung Tuyên lực công thần, Phụng sai Điều lãnh Thái Nguyên xứ Trấn thủ, Kiêm Đề lãnh Tư thành quân vụ sự, Chính Thủ hiệu, Trung thắng, Tiền dực đẳng cơ Cai cơ quan, Thiêm quân Thị hậu Trung hậu tá thuyền, Phụng sai Thị trừ nội thủy đẳng đội, <i>Tri Thị nội thư tá Hộ phiên</i> , Kiêm Nội sai Ngũ phủ phủ liệu Tư lễ giám, Đặc tiến phụ quốc đại tướng quân, Đô đốc phủ Tả đô đốc, Thái phó, Thiệu quận công	Hoạn quan	1000-1003
47	1771	Phan Lê Phiên	Tứ Đinh Sửu khoa Đề tam giáp Đồng tiến sỹ xuất thân, Thiệu tuần, Đặc tiến kim tử vinh lộc đại phu, <i>Nhập thị Thiêm sai Tri Thị nội thư tá Hộ phiên</i> , Đông các Đại học sỹ, Kiêm Quốc tử giám Tư nghiệp Quốc sử soạn tu, Tư Xuyên bác	Khoa giáp (1757)	1000-1003; 1052-1053; 1054-1055
48	1772	Phạm Huy Đĩnh	Đặc tiến phụ quốc đại tướng quân, Suy trung Tuyên lực Tráng liệt công thần, Phụng sai Điều lãnh Thái Nguyên xứ Trấn thủ, Kiêm Đề lãnh Tư thành quân vụ sự, Chính Thủ hiệu, Trung thắng, Tiền dực đẳng doanh cơ Trưởng doanh quan, Thiêm quân Thị hậu Thị trừ, Nội thủy, Trung hậu, Tả trạch, Ưu đẳng đội thuyền, Nội sai Ngũ phủ phủ liệu, <i>Tri Thị nội thư tá Hộ phiên</i> , Tư lễ giám, Trung quân Đô đốc phủ Tả đô đốc, Thái tử, Thiệu quận công	Hoạn quan	3269-3271
49	1773	Nguyễn Đình Huân	Đặc tiến kim tử vinh lộc đại phu, Phụng sai Phụ tá Chính đề lãnh Tư thành quân vụ sự, Chính thủ hiệu, Hậu Khuông cơ Cai cơ quan, <i>Tri Thị nội thư tá Lại phiên</i> , Chiêu Nghị Tướng quân, Thiệu bảo, Huân Trung hầu	Hoạn quan	2502, 2504; 2503, 2505
50	1773	Nguyễn Đình Huân	Phụng sai Phụ tá Chính đề lãnh Tư thành quân vụ sự, Kiêm Sơn Tây xứ Trấn thủ, Chính thủ hiệu Hậu cự, Thiêm quân Thị hậu Trung hậu, Hữu kinh hạm đẳng cơ đội thuyền, <i>Tri Thị nội thư tá Hộ phiên</i> , Tả nạp ngôn, Thiệu phó, Huân Trung hầu, Trụ quốc, Thương giai	Hoạn quan	2875
51	1775	Nguyễn Đình Huân	Đặc tiến phụ quốc đại tướng quân, <i>Thị Hữu trung cung</i> , Phụng sai Nội điện Phụ tá, Chính đề lãnh Tư thành quân vụ sự, Kiêm Sơn Tây xứ Trấn thủ, Trung hùng quân doanh Trưởng doanh quan, Thiêm quân Tiền dực, Trung uy, Hậu uy, Trung hậu, Khuông hữu đẳng cơ đội thuyền, <i>Tri Thị nội thư tá Hộ phiên</i> , Thư phủ sự, Tây quân Đô đốc, Thái tử, Huân quận công, Thương trụ quốc, Thương trật	Hoạn quan	2499-2500, 2513
52	17780	Trần Xuân Huy	<i>Thị Hữu trung cung</i> , Phụng sai Bảo dưỡng Vương tử, Chính thủ hiệu, Trung hùng cơ Cai cơ quan, Phụng sai Thị trừ, Nội thủy đẳng đội, <i>Tri Thị nội thư tá Hộ phiên</i> , Phụng sai Cai tào, Tri Bảo tể hiệu, Củng tiến hiệu, Thị Nội giám Tư lễ giám Tổng thái giám, Đô đốc phủ Tả đô đốc, Thái phó, Bạt quận công	Hoạn quan	2805
53	1783	Phạm Nguyễn Du	Tứ Kỷ Hợi khoa Đề nhị giáp Tiến sỹ xuất thân, <i>Nhập thị Thiêm sai Tri Công phiên</i> , Đông các Hiệu thư	Khoa giáp (1779)	684-687

[Biểu 3] Danh sách của Phó tri phiên, Thiêm tri phiên, Nội sai trong Tổng tập Thác bản, q.1-7.

Số	Năm	Họ tên	Chức vị	Xuất thân	Mã số thác bản
1	1657	Nguyễn Công Nghĩa	Đặc tiến kim tử vinh lộc đại phu, <i>Thiêm tri Thị nội thư tá Nha môn</i> , Cai quan, Đĩnh quân công	Hoạn quan	3924-3925
2	1681	Nguyễn Tiến Tài	Đặc tiến kim tử vinh lộc đại phu, Thị Nội giám Tư lễ giám, <i>Phó tri Thuý</i>	Hoạn quan	4459-4462

			<i>sur</i> , Dương hầu, Trụ quốc, Thương liên		
3	1686	Phạm Hữu Toán	<i>Vương phủ Phó tri Thủy sư</i> , Tư lễ giám Đồng tri giám sự, Chính đội trưởng, Dật Hải hầu	Hoạn quan	2516-2517
4	1689	Phạm Hữu Toán	<i>Vương phủ Phó tri Thủy sư</i> , Tư lễ giám Thiêm thái giám, Dật Hải hầu	Hoạn quan	2509-2512
5	1690	Bùi	Đặc tiến kim tử vinh lộc đại phu, Phó tri Thủy sư, Thị Nội giám Tư lễ giám Thiêm thái giám, Viên Tường hầu	Hoạn quan	5907-5910
6	1691	Ngô Phan Lân	Đặc tiến kim tử vinh lộc đại phu, Thị hậu Trạch nhưng, Nội kỵ, Tả kiên, Nghĩa khiên mã tả đẳng đội thuyền, <i>Phó tri Thủy sư</i> , Thị Nội giám Tư lễ giám Đô thái giám, Thường Trung hầu	Hoạn quan	3999-4000
7	1694	Nguyễn Trí Trung	<i>Phó tri Bộ binh thư tả lệnh sử</i> , Thị Nội giám Tư lễ giám Thiêm thái giám, Thành Lộc hầu	Hoạn quan	5602-5603
8	1694	Nguyễn Cảnh Dung	<i>Phó tri Thị nội thư tả Hộ phiên</i> , Thị Nội giám Tư lễ giám, Đạt Trí hầu	Hoạn quan	5602-5603
9	1700	Nguyễn Hữu Liệu	<i>Thiêm tri Thị nội thư tả Bình phiên</i> , Tư lễ giám Hữu đề điểm, Nho Tường hầu	Hoạn quan	1225
10	1700	Lê	<i>Phó tri Thủy sư</i> , Lạng Sơn đẳng xứ Thanh hình Hiến sát sử tư Hiến sát phó sử, Bản Sơn tử		4459-4462
11	1702	Phạm Đăng Quý	Vương phủ Thị hậu Ưu tiên, Tính Hành tam đẳng thuyền, <i>Thiêm tri Thị nội thư tả Hộ phiên</i> , Tư lễ giám Tả giám thừa, Bản Tường hầu	Hoạn quan	6435-6438
12	1704	Phạm Hữu Toán	Thị hậu Nội nhật, Kiệu tả hữu xa, tính Hành nhật đẳng đội thuyền, <i>Phó tri Thủy sư</i> , Tư lễ giám, Dật Hải hầu	Hoạn quan	2625
13	1706	Nguyễn Khắc Minh	Đặc tiến kim tử vinh lộc đại phu, <i>Thiêm tri Thủy sư</i> , Tư lễ giám Hữu đề điểm, Đạng Tường hầu	Hoạn quan	3970-3972
	1706	Phạm Đăng Quý	<i>Vương phủ Thiêm tri Thị nội thư tả Hộ phiên</i> , Thị Nội giám Tư lễ giám Tả thiếu giám, Bản Tường hầu	Hoạn quan	6439-6442
14	1716	Lê Phi Bồi	<i>Thiêm tri Bộ binh lệnh sử phiên</i> , Công bộ Viên ngoại lang, Hạc Thọ nam		2752-2755
15	1719		<i>Nam cung</i> , Quyền Công ma, Thị hậu Trạch ma, Trung hầu, Hữu khiên ma, Súng hậu đẳng đội thuyền, <i>Thiêm tri Thị nội thư tả Bình phiên</i> , Thị cận Thị Nội giám Tư lễ giám Đô thái giám, Ninh Thọ hầu	Hoạn quan	2335-2336; 2455-2456
16	1727		<i>Thị Hữu trung cung</i> , Thị hậu Kỵ hầu, tính Khiên ma, Tây kỹ đẳng đội, <i>Nội sai Thị nội thư tả Hộ phiên</i> , Thị cận Tư lễ giám Hữu giám thừa, Toán tường hầu	Hoạn quan	2343-2344; 2471-2472
17	1734	Nguyễn Đình Luân	Thị nội văn chức, Phụng sai Cừu tiên tả cung, <i>Phó tri Thị nội thư tả Hình phiên</i> , Thông chính sử tư Thông chính phó		461-464
18	1734	Trần Tuấn Vượng	<i>Thị Bắc cung</i> , Trung hữu tượng đội, <i>Nội sai Thị nội thư tả Công phiên</i> , Thị cận Thị Nội giám Tư lễ giám Đô thái giám, Biện Trung hầu	Hoạn quan	2308
19	1734	Đỗ Nguyễn Thụy	<i>Thị Bắc cung</i> , Phụng sai Thị trừ Phó thủ hiệu, Thị hậu Ưu nhật, Ưu tả, Tính hành đẳng đội thuyền, Phó cai quan, <i>Phó tri Thị nội thư tả Công phiên</i> , Thị cận Thị Nội giám Tư lễ giám Tổng thái giám, Đô chỉ huy sử tư Đô chỉ huy sử, Giao quận công	Hoạn quan	6753-6756
20	1736	Vũ Đức Vượng	Thị cận Thị Nội giám Tư lễ giám Đô thái giám, <i>Thiêm tri Thị nội thư tả Hộ phiên</i> , Diên Trung hầu	Hoạn quan	4553-4555
21	1736	Nguyễn Đình Khuê	Thị cận Thị Nội giám Tư lễ giám Hữu thiếu giám, <i>Nội sai Thị nội thư tả Công phiên</i> , Lũng Thọ hầu	Hoạn quan	4553-4555
22	1737	Đỗ Nguyễn Thụy	<i>Thị Bắc cung</i> , Phụng sai Thị trừ đội, Tri Công tượng Phó thủ hiệu, Tiền tượng cơ Phó cai quan, <i>Phó tri Thị nội thư tả Công phiên</i> , Thị cận Thị Nội giám Tư lễ giám Tổng thái giám, Đô hiệu điểm tư Hữu hiệu điểm, Cơ quận công	Hoạn quan	2497-2498
23	1737	Trần Hành	<i>Thị Bắc cung</i> , Thị hậu Tuyền hữu, tính Viện thạch tả đẳng đội thuyền, <i>Nội sai Thị nội thư tả Công phiên</i> , Thị cận Tư lễ giám Hữu thiếu giám, Long Bàn hầu	Hoạn quan	3423-3424; 3274-3275
24	1737	Nguyễn Danh Liên	<i>Thiêm tri Thị nội thư tả Bình phiên</i> , Lại bộ Lang trung		3274-3275
25	1738	Nguyễn Đình Khuê	Đặc tiến kim tử vinh lộc đại phu, Phó thủ hiệu, Thị hậu Nội khuông trung, tính Viện thạch tả, Tả kỹ đẳng đội, Phó cai quan, <i>Thiêm tri Thị nội thư tả Công phiên</i> , Thị cận Thị Nội giám Tư lễ giám Tổng thái giám, Đô chỉ huy sử tư Đô chỉ huy sử, Thán Thọ hầu	Hoạn quan	3404; 3405
26	1738	Trần Tuấn Vượng	<i>Thị Bắc cung</i> , Trung hữu tượng đội, <i>Nội sai Thị nội thư tả Công phiên</i> , Thị cận Thị Nội giám Tư lễ giám Đô thái giám, Biện Trung hầu	Hoạn quan	2235; 2355
27	1739	Đỗ Nguyễn Thụy	<i>Thị Bắc cung</i> , Phụng sai Thị trừ đội, Tri Công tượng, Phó thủ hiệu, Tiền tượng cơ, Phó cai quan, <i>Phó tri Thị nội thư tả Công phiên</i> , Thị cận Thị Nội giám Tư lễ giám Tổng thái giám, Đô hiệu điểm tư Hữu hiệu	Hoạn quan	6739-6742; 6749-6752

BỘ MÁY TÀI CHÍNH CỦA CHÍNH QUYỀN LÊ – TRỊNH THẾ KỶ XVIII...

			điểm, Cơ quận công		
28	1741		<i>Thị Nam cung</i> , Phó Thủ hiệu, Thị hậu Tuyển nhật, Tuyển tả, tính Hành đình đẳng thuyền, Phó cai quan, <i>Thiêm tri Thị nội thư tả Bình phiên</i> , Thị cận Thị Nội giám Tư lễ giám Tổng thái giám, Thức Thọ hầu	Hoạn quan	2493-2496
29	1742	Nguyễn Đình Khuê	<i>Thị Tả trung cung</i> , Nội hậu, <i>Thiêm tri Thị nội thư tả Lại phiên</i> , Thị cận Thị Nội giám Tư lễ giám Tổng thái giám, Đô chỉ huy sử tư Đô chỉ huy sử, Long Thọ hầu	Hoạn quan	3421-3422
30	1744	Đào Cảnh Luận	<i>Thiêm tri Lễ phiên</i> , Viên ngoại lang		2453-2454
31	1744	Thái Triệu Cơ	Phụng sai quan, <i>Thiêm tri Thị nội thư tả Hộ phiên</i> , Thị cận Thị Nội giám Tư lễ giám Tổng thái giám, Đoàn Thọ hầu	Hoạn quan	3737-3738
32	1749	Giáp Nguyễn Khoa	<i>Thị Tả trung cung</i> , Tuyển lực Công thần, Phó Thủ hiệu, Thị hậu Nghiêm nhật, Nghiêm tả, Trạch hữu hữu đẳng đội, Phó cai quan, <i>Phó tri Thị nội thư tả Hộ phiên</i> , Thị cận Thị Nội giám Tư lễ giám Tổng thái giám, Hữu hiệu điểm, Khuê Lăng hầu	Hoạn quan	5403-5406
33	1749	Trịnh	Thị Đồng cung, <i>Phó tri phiên</i>		950-951
34	1752		Đặc tiến kim tử vinh lộc đại phu, <i>Thị Tây cung</i> , Thị hậu Kỵ hữu, tính Khiên ma đẳng đội, <i>Thiêm tri Thị nội thư tả Hình phiên</i> , Thị cận Thị Nội giám Tư lễ giám Tổng thái giám, Đô hiệu điểm tư Tả hiệu điểm, Triều hầu	Hoạn quan	3050-3052
35	1756	Bùi	<i>Thiêm tri Thị nội thư tả Công phiên</i> , Thanh Hoá xứ Thái bộc Tự khanh		3266
36	1757	Trương Hộ	Hoàng tín đại phu, <i>Thiêm tri Thị nội thư tả Hộ phiên</i> , Nội tịch, Hộ bộ Lang trung, Vĩ trung tử		1925-1928
37	1763	Dương Danh Tiếp	<i>Thị Tả trung cung</i> , Thị Nội khuông đội, <i>Nội sai Thị nội thư tả Lại phiên</i> , Thị cận Thị Nội giám Tư lễ giám Hữu giám thừa, Uẩn Trung hầu	Hoạn quan	1062-1063
38	1767	Nguyễn Đăng Trạc	<i>Thị Tả trung cung</i> , Thị hậu Ưu hậu thuyền, <i>Nội sai Thị nội thư tả Lại phiên</i> , Thị cận Thị Nội giám Đồng tri giám sự, Sử Trung hầu	Hoạn quan	3148-3149
39	1767	Nguyễn	<i>Thị Hữu trung cung</i> , Thị hậu Nội ưu, Nội nhật đẳng thuyền, <i>Nội sai Thị nội thư tả Hộ phiên</i> , Thị cận Thị Nội giám Tư lễ giám Đô thái giám, Tiếp Trung hầu	Hoạn quan	3976-3977
40	1769	Thân Nguyễn Điều	Thị hậu Thị ma, tính Khiên ma đẳng đội, <i>Thiêm tri Thị nội thư tả Lại phiên</i> , Thị cận Thị Nội giám Tư lễ giám Tổng thái giám, Lạn Trung hầu	Hoạn quan	6782-6783
41	1770	Vũ Đình Diễn	<i>Vương phủ Thị Bắc cung</i> ,Tả đông giáp hiệu, Phụng sai Thị hậu Thị cân, Tả cân, Thiện tả đẳng cơ đội, <i>Thiêm tri Thị nội thư tả Công phiên</i> , Thị cận Thị Nội giám Tư lễ giám Tổng thái giám, Cấp Thọ hầu	Hoạn quan	6918-6919
42	1771	Trần Xuân Huy	<i>Thị Hữu trung cung</i> , Thủ hiệu, Thị hậu vệ Tả thủy cơ Cai quan, <i>Thiêm quản Thị hậu Tiểu hậu hữu thuyền</i> , <i>Phó tri Thị nội thư tả Hộ phiên</i> , Đặc tiến chiêu nghị tướng quân, Viêm Trung hầu	Hoạn quan	1000-1003
43	1775	Mẫn Đức Hiệp	<i>Thị Bắc cung</i> , <i>Phó tri thị nội thư tả Công phiên</i> , Phụng thủ trương, Kiểm Nội nhật lệnh sử đẳng phiên, Tiền dũng tạo đội, Thị Nội giám Tư lễ giám Tổng thái giám, Thuận Triều hầu	Hoạn quan	2762
44	1780	Cao Lý	Hoàng tín đại phu, <i>Thiêm tri Công phiên</i> , Lại bộ Viên ngoại lang		469, 475
45	1782	Trần Nguyễn Nhung	Nguyên Quốc tử ngữ sách Đệ nhật trung cách văn tuyển, Phụng thị Thị nội văn chức, <i>Thị Nam cung</i> , <i>Thiêm tri Thị nội thư tả Bình phiên</i> , Cản sự Tả lang, Mại Đình tử		299-300; 301, 308; 302, 305-307
46	1785	Nguyễn Quý Dực	<i>Vương phủ Thị Bắc cung</i> , <i>Phó tri Thị nội thư tả Công phiên</i>		5758-5759

[Biểu 4] Danh sách của Câu kê trong Tổng tập Thác bản, q.1-7.

Số	Năm	Họ tên	Chức vị	Xuất thân	Mã số thác bản
1	1726	Vũ Đình Bảo	Trung kiên cơ, <i>Câu kê Thị nội thư tả Bình phiên</i> , Diệu Lộc nam		6488-6489
2	1729	Nguyễn Đăng Triều	Hành hữu thuyền, <i>Phó câu kê Thị nội thư tả Công phiên</i> , Đồng tri phủ, Cản Thọ nam		6380-6383
3	1734	Lê Nguyễn Hiên	Phụng Kim ngô vệ, <i>Câu kê Hữu phiên Ấn lại</i> , Vĩnh Trung tử		461-464
4	1734	Vũ Danh Hiểu	Câu kê Thị nội thư tả Công phiên, cự đội tả thuyền, Đồng tri phủ Hiểu Nghĩa tử		461-464
5	1738	Trịnh Đình Quả	<i>Thị nội tuyển Câu kê Thị nội thư tả Hình phiên Phụng thủ mật sự</i> , Đặc tiến Kim tử Vinh lộc Đại phủ, Lạng Sơn xứ Tán trị Thừa chính sử tư		2935-2937

			Tham chính, Diển Trung tử		
6	1738	Nguyễn Khắc Kiên	<i>Câu kê Hình phiên Thị nhưng</i>		3990-3991
7	1738	Nguyễn Viết Vượng	<i>Câu kê Lệnh sử phiên</i> , Hồng lô tự Thiếu khanh, Diệu Đình nam		5572-5575
8	1738	Lê Trí Văn	<i>Câu kê Lệnh sử phiên</i> , Điện tiền tư Tư ngục, Tuần Nghĩa nam		5572-5575
9	1738	Nguyễn Viết Xuân	<i>Câu kê Nội nhật phiên</i> , Điện tiền tư Diển ngục, Hoảng Nghĩa nam		5572-5575
10	1741	Nguyễn	Nhật tịch văn chức, <i>Câu kê Thị nội thư tả Lại phiên</i> , Diễm hàn		2333-2334
11	1742	Bùi	<i>Hộ phiên Câu kê</i> , Hình bộ Khâm hình thanh lại tư Viên ngoại lang		221, 248
12	1744	Phạm Đăng Truyền	Tân Mão khoa thi trung, Trung thư giám Diễm thư, <i>Câu kê Lại phiên</i>	Thư Toán	2185
13	1749	Lê Duy Thì	<i>Nội nhật phiên Câu kê</i> , Điện tiền		5535-5536
14	1750	Vũ Tam Đa	Sinh đồ, <i>Câu kê</i> , Huệ Phương tử		456
15	1750	Nguyễn Dự Liêu	<i>Câu kê Tả phiên Án lại</i> , Lan Phương tử		456
16	1752	Phan Trác Siêu	<i>Phụng thú mật sự Câu kê Thị nội thư tả Bình phiên</i> , Quân Thị hậu Thanh cảm tư Tả Dụ đức, Siêu Trung bá		1049-1050
17	1755	Chu Kỳ	Nhâm Ngọ Thư toán khoa Đệ nhất, Phụng quân Thị hậu Tả bá môn đội, <i>Phụng thú mật sự Câu kê Thị nội thư tả Hộ phiên</i> , Tuyên Quang xứ Tham chính, Kỳ Trung bá	Thư Toán	1247
18	1759		<i>Phụng thú mật sự Câu kê Thị nội thư tả Hình phiên</i> , Thái bộc Tự khanh, Kỳ Thọ bá		1102-1103
19	1771	 Đình Trị	Phụng quân hữu thuyền, <i>Phụng thú mật sự Câu kê Thị nội thư tả Công phiên</i> , Hữu thứ tử, Tăng Trung bá		1000-1003
20	1771	Phan Trác Siêu	Gia hành đại phu, <i>Phụng thú mật sự Câu kê Thị nội thư tả Bình phiên</i> , Tuyên Quang xứ Tấn trị thừa chính sử tư Thừa chính sử, Siêu Trung tử		1052-1053; 1054-1055
21	1772	Đặng Duy Triệu	Đặc tiến kim tử vinh lộc đại phu, Phụng quân tả thuyền, <i>Câu kê Thị nội thư tả Hộ phiên</i> , Tả thứ tử, Phái Đình bá		3269-3271
22	1776	Đặng Đình Nghĩa	<i>Thị nhưng Câu kê Thị nội thư tả Bình phiên</i> , Chỉ huy sử tư Chỉ huy đồng tri, Lý Đình ba		930-931
23	1780	Nguyễn Đăng Liên	Gia hành đại phu, Tuyên Quang đẳng xứ Tấn trị thừa chính sử tư Thừa chính sử, <i>Câu kê Thị nội thư tả Bình phiên</i> , Liên Trung tử		469, 475
24	1781	Lê Thế Thước	<i>Câu kê Công phiên</i> , Thị Trung tử		469, 476

[Biểu 5] Lý lịch chức vị của Tắc Trung hầu (theo N.1466-1469)

Năm	Tuổi	Chức vụ			Chức Tư lễ giám	Ghi chú
		"Thị nội"	"Phụng cai"	"Phụng quân"		
1634	1					Con thứ 2 trong 2 con trai, 1 con gái. Cải sang họ mẹ.
1647	14					Hầu Trịnh Vĩnh.
1652	19					Hầu Trịnh Căn.
1660	27				Tả đề diễm	Thăng chức quan bằng "Ưu đẳng" trong khảo khóa.
1671	38			Phụng quân Thắng tả đội binh	Tả giám thừa	Thăng chức Tả giám thừa bằng Suy ân.
1674	41			Phụng quân Thị hậu Nội cân đội binh		
1674				Phụng quân Quy Hợp châu		
1675	42		Phụng cai Khả Lưu			

BỘ MÁY TÀI CHÍNH CỦA CHÍNH QUYỀN LÊ – TRỊNH THẾ KỶ XVIII...

			tuần			
1676	43		Phụng cai Ngoại quốc tào	Phụng thêm quân Nội tả tượng đội binh		
1677	44		Phụng cai Đồng Mục tuần			
1677		Thị nội giám phụng thị				
1678	45	Thêm tri thị nội thư tả Bộ binh phiên				Quốc sử Ai Lao
1679	46		Phụng cai Tam Kỳ tuần			
1684	51	Phó tri Thị nội thư tả Bộ binh phiên	Phụng cai Trần An phủ, Bồn Mang châu	Thêm tri Công tượng	Thêm thái giám	Thăng chức Thêm thái giám bằng "Ưu đẳng" trong khảo khoá.
1685	52					Hầu lại Trịnh Can.
1685				Tri Công tượng, Phụng quân Thị hậu Dực trung đội binh, tính Trung tả tượng đội		
1685		Thị nội giám phụng thị			Đô thái giám	Thăng chức Đô thái giám bằng Suy ân.
1686	53		Phụng cai Gia Hưng, An Tây đẳng phủ châu Thập châu			
1689	56	Thị nhật phụng thị		Phó cai quan, quân Hậu tượng cơ binh	Tổng thái giám	Thăng chức Tổng thái giám bằng nộp thóc lúa.
1713	80					Lập bia.

[BIỂU 6] Lý lịch chức vị của Nhĩ Lộc hầu (theo N.1456-1459)

Năm	Tuổi	Chức vụ			Quan chức của Tư lễ giám	Ghi chú
		"Thị nội"	"Phụng cai"	"Phụng quân"		
1694	1					Con thứ 2 trong 4 con trai, 2 con gái. Cái sang họ mẹ.
lúc 1713	lúc 20					Hầu Vương phủ như là hoạn quan.
1726	33					"Phụng sai phụng thị Tôn Đức Vương mẫu Thái phi"
1726-1730				Quân Nội trú, Tiểu thủy đăng đội		
1730	37	Tuỳ sai Lệnh sử nhật phiên		Phụng quân Thị hậu Nội lực sỹ đội	Hữu đề điểm	Thăng chức Hữu đề điểm bằng Suy ân.
1731	38				Tả thiếu giám	Thăng chức bằng nộp tiền.
1731-1734		Tri Lệnh sử nhật phiên, Thị nội giám			Đồng tri giám sự	Thêm tước hầu. Thăng chức Đồng tri giám sự bằng Suy ân.
1734	41	Tri Lệnh sử nhật nhị đẳng phiên		Quân Thị hậu Hậu nhật, Tính hành đẳng đội thuyền		Lập bia. Dưới đây, tuỳ theo bộ phận được khắc sau.
1734-1740		Thêm tri Thị nội thư tả Hình phiên			Thêm thái giám>Đô thái giám>Tổng thái giám	Thăng các chức Tư lễ giám bằng nộp tiền.
1740	47	Phó tri Thị nội thư tả Hộ phiên		Quân Thị hậu vệ Hữu thủy cơ, tính Nghĩa dũng hiệu, Phụng sai Đốc lãnh Hải Dương, Kinh		Thêm tước quân công, Tham đốc (quan võ).

				Bắc đảo		
1740-1742				Phụng sai Chương đốc Sơn Tây xứ		Thăng chức Hữu hiệu điểm (quan võ)
1742	49					Thăng chức Đô đốc Chiêm sự (quan võ) bằng nộp tiền.
1743	50					Thăng chức Đô hiệu điểm (quan võ).
1743				Quản Thị hậu Ưu nhật, Ưu tả, Ưu hữu, Tính hành đẳng thuyền		Thăng chức Thiếu bảo.
1744	51			Quản Hữu tượng cơ, Thự Phó đề lãnh tư thành quân vụ sự, Quản Tả tượng, Tiền Hùng đẳng cơ, Phụng sai Đốc lãnh Đông Bắc đảo, Thống đốc Yên Sơn đảo		
1745	53			Phụng sai Trấn thủ Sơn Tây xứ		Thăng chức Thiếu phó.

[Biểu 7] Danh sách của quan lại cấp dưới trong *Tổng tập Thác bản*, q.1-7.

Số	Năm	Họ tên	Chức vị	Xuất thân	Mã số
1	1650	Nguyễn Văn Di	<i>Thị nội thư tả</i> , Kinh Bắc xứ Tham nghị, Văn Hiệp bá		4652-4653
2	1651	Phạm Quốc Trụ	<i>Thị nội thư tả</i> , Công bộ Lang trung, Văn Ấn tử		4911-4912
3	1651	Trần Khôi	<i>Thị nội thư tả</i> , Đại lý tự Thiếu khanh, Văn Trinh tử		4911-4912
4	1656	Phạm Hoàng Cầu	Tuất Dàn khoa thi Trung thư toán, Hoa văn, <i>Chính vương phủ Thị nội thư tả</i> , Tấn trị công thần, Đặc tiến kim tử vinh lộc đại phu, Đại lý tự Thiếu khanh, Văn Thư tử	Thư toán	3924-3925
5	1656	Phạm Quốc Trụ	<i>Thị nội thư tả</i> , Công bộ Lang trung, Văn Ấn tử		4917-4918
6	1656	Trần Khôi	<i>Thị nội thư tả</i> , Đại lý tự Thiếu khanh, Văn Trinh tử		4917-4918
7	1657	Lê Đình Thân	Tuất Thìn khoa thi Trung thư toán, Phụng nhập <i>Thị nội Thủ hợp Thư tả</i> , Công bộ lang trung, Nhân Lĩnh tử	Thư toán	5529-5530
8	1683	Đỗ Đình Sách	<i>Thủ hợp Thị nội thư tả Bình phiên</i> , Thanh Hoa Thái bộc tự Tụ thừa, Thiệu Lĩnh tử		1240
9	1686	Nguyễn Tam Kiệt	Ất Mão khoa thi Trung thư toán, <i>Thị nội thư tả Hộ phiên</i> , Tiến công thứ lang, đồ đồn điền sở Sở sử, Thuyền Trạch nam	Thư toán	714-717
10	1686	Trần Minh Cương	Ất Mão khoa thi Trung thư toán, <i>Thị nội thư tả Hộ phiên</i> , Ưu trung, Tiến công thứ lang, Đại thông tiền Tầm tang sở Sở sử, Duệ cơ nam	Thư toán	714-717
11	1691	Nguyễn Đẳng Xuân	Ất Mão khoa thi Trung thư toán, <i>Thị nội thư tả Thị nội nhưng Tri bộ</i>	Thư toán	1702-1705
12	1696	Đặng Trình	Nhâm Thân khoa thi Trung thư toán Ưu phần Đệ nhị danh, <i>Cải hợp Thị nội thư tả</i> , Quản Kiên nhi đội, Phụng thú An Trường, Dương Xá đẳng phủ, Tự thừa, Mậu Lâm nam	Thư toán	2987-2990
13	1699	Vũ Tá Trị	<i>Thị tuyền Thủ hợp Thị nội thư tả Thủy binh phiên</i> , Hồng lô tự Thiếu khanh, Duẩn Trung nam		5210-5213; 5288-5291
14	1704	Chu Danh Tường	<i>Thị nội văn chức</i> , Gia Lâm huyện Tri huyện		6263-6266
15	1706	Nguyễn Hữu Tín	<i>Thị nội thư tả Hộ phiên</i> , Trạch tiến Tiến công thứ lang, Sơn Minh huyện Huyện thừa		3437-3438; 4228
16	1714	Ngô Bảo	<i>Thị nội thư tả Thủy binh phiên</i> , Tướng sỹ lang, Quy Mông sở Phó sở sử		162-163
17	1719	Nguyễn Đẳng Xuân	Ất Mão khoa thi Trung thư toán thử khoa, <i>Thị nội nhưng thư tả Lại phiên</i> , Tiến công thứ lang, Phù Ly huyện Huyện thừa Lịch nhiệm, Nho Đường nam	Thư toán	1047-1048
18	1723	Nguyễn Quế	Nhâm tử khoa thi Trung thư toán, Phụng điền Thượng bảo nha môn Đô lại ứng vụ.... bổ Ngự sử đài nha môn Đô lại ứng vụ, <i>Phụng thăng Thị nội thư tả Công phiên ứng vụ</i> , Kỳ thụ Trung Thuận huyện Huyện thừa chức	Thư toán	2156-2159

19	1724	Đinh Đình Niên	<i>Thị nội thư tả Bình phiên</i> , Tân Mão khoa, Kinh Bắc xứ Thủ ngục sở Ngục thừa	Thư toán	6372-6375
20	1730	Nguyễn	Hành hữu thuyền, <i>Thị nội tuyển Cai hợp Thị nội thư tả Bình phiên</i> , Điện tiền tư điện ngục sở Ngục thừa		5538-5541
21	1734	Đặng Xuân Huyền	<i>Thị nội tuyển Cai hợp Thị nội thư tả Bình phiên</i> , Điện tiền tư điện ngục sở Ngục thừa		461-464
22	1735	Nguyễn Thọ Bành	<i>Phó thủ hợp Lễ phiên</i> , Kỳ Sơn huyện Huyện thừa		2718; 2721-2722
23	1736	Lê Thế Huân	<i>Thị nội tuyển Cai hợp Thị nội thư tả Bình phiên</i> , Điện tiền tư điện Ngục thừa		4553-4555
24	1737	Phan Sỹ Hy	<i>Thủ hợp Thị nội thư tả Hộ phiên</i> , Trừ Lân phủ Đồng tri phủ		2627
25	1738	Ngô	<i>Cai hợp Lệnh sử nhật phiên</i> , Lịch thụ Điện tiền tư Điện ngục sở Ngục thừa		812-813
26	1739	Vũ Nguyễn Cẩn	<i>Thủ hợp Thị nội thư tả Lễ phiên</i> , Cỗ Pháp điện, Thiệu khanh		5643-5646
27	1745	Chu Đẳng Luận	<i>Công phiên Phó cai hợp</i> , Vĩnh Khang huyện Huyện thừa		65
28	1749	Cao Đắc Phiên	<i>Phụng thủ mật sử Cai hợp Thị nội thư tả Bình phiên</i> , Quang Đức huyện Thông phán		5403-5406
29	1750	Nguyễn Sỹ	<i>Tả phiên Ấn lại Cai hợp</i> , Vĩnh Khang huyện Huyện thừa, Mục Nghĩa tử		456
30	1753	Lê Đình Hào	<i>Thủ hợp Thị nội thư tả Bình phiên</i> , Thông chính sử tư Thông chính		3129-3130
31	1772	Nguyễn Gia Thực	<i>Thị nội thư tả Hộ phiên</i> , Kỳ Sơn huyện Huyện thừa, Diễn Phái nam		3444-3445
32	1775	Vũ Kim Quỳnh	Đinh Mão khoa Đề nhị trung cách, <i>Thủ hợp Thị nội thư tả Hộ phiên</i> , Triều liệt đại phu, Thông chính sử tư Thông chính sử, Chuyên Trung tử	Thư toán	2499-2500, 2513
33	1776	Hà Trần	Cựu nhiệm Gia đình huyện kiêm lý Lương Tài huyện Tri huyện, Hạ trí hiến thuật huyện doãn, <i>Thị nội thư tả Công phiên</i> , Huyện thừa		3610-3611
34	1780	Cao Đắc Thọ	Cần sự lang, <i>Thủ hợp Hộ phiên</i> , Tiền Hưng phủ Đồng tri phủ		469. 475
35	1783	Trịnh	Tân Dậu khoa, <i>Thị Tả trung cung</i> , Thái y viện Thủ phiên, Gia hành đại phu, Tuyên Quang đẳng xứ Tán trị thừa chính sử tư Thừa chính sử, Chấn Thọ nam	Thư toán	1865-1866

CHÚ THÍCH

- ¹ Sakurai Yumio, *Formation of Vietnamese village – historical analysis of the establishment of communal land in Northern Vietnam* (tiếng Nhật), Tokyo, So-bun sya, 1987.
- ² Về các phê bình “quyền lực trung gian” của Sakurai, xem các báo cáo: Momoki Shirou, *Bookreview essay: Y. Sakurai, Formation of Vietnamese “Traditional” villages; historical development of communal land in Northern Vietnam (tiếng Nhật), Southeast Asia; history and culture*, vol. 20, 1991, pp. 77 – 101; và Ueda Shinya, *The Administrative Structure and Irregular Departments of the Le – Trinh Government in 17th – century Vietnam* (tiếng Nhật), Nanpo-Bunka, vol. 33, 2006, pp. 21 – 42.
- ³ Ở đây chỉ trích dẫn các nghiên cứu chủ yếu. Phan Huy Lê – Vương Hoàng Tuyên – Đinh Xuân Lâm (Chủ biên), *Lịch sử chế độ phong kiến Việt Nam*, tập 3, Hà Nội, 1960; Lê Kim Ngân, *Chế độ chính trị Việt Nam thế kỷ 17 – 18*, Phân khoa Khoa học Xã hội, Viện Đại học Vạn Hạnh, Sài Gòn, 1974; Trương Hữu Quỳnh, *Chế độ ruộng đất ở Việt Nam thế kỷ 16 – 18*, tập 2, NXB Khoa học Xã hội, Hà Nội, 1983. Hơn nữa, báo cáo về Lục Phiên là Nguyễn Đức Nhuệ, *Tìm hiểu tổ chức “Phiên” trong bộ máy nhà nước thời Lê Trung hưng*, *Nghiên cứu lịch sử*, số 294, 1997, tr.46 – 51. Báo cáo này phân tích quan hệ giữa Lục Bộ và “Phiên”, và tăng cường quyền lực của chúa Trịnh, nhưng ít phân tích về tổ chức Lục Phiên. Đỗ Đức Hưng, *Trịnh*

- Cương, Nguyễn Công Hăng và cuộc cải cách tài chính ở Đàng Ngoài đầu thế kỷ 18, trong: *Chúa Trịnh – vị trí và vai trò lịch sử*, Ban nghiên cứu và biên soạn lịch sử Thanh Hoá, Viện Sử học Việt Nam, 1995, tr.157 – 172 phân tích tài chính của thời kỳ thành lập Lục Phiên. Nhưng báo cáo này chỉ phân tích số tiền thuế, không bàn về Lục Phiên.
- ⁴ Xem Wada Masahiko, *On the Vietnamese Eunuchs of the Late Le and Early Nguyen Dynasties* (tiếng Nhật), *Report of Keio insutitute of cultural and linguistic studies*, vol. 10, 1978, pp. 23 – 44; Hasuda Takashi, *The eunuchs in the 17th century Vietnam* (tiếng Nhật), Machikaneyama – Ronso; history, vol. 39, 2005, pp. 1 – 39.
 - ⁵ Trịnh Khắc Mạnh – Nguyễn Văn Nguyên – Philippe Papin (biên soạn), *Tổng tập thác bản văn khắc Hán Nôm*, q. 1 – 10, Viện Cao học Thực hành, Viện Nghiên cứu Hán Nôm, Viện Viễn đông Bác cổ Pháp, Hà Nội, 2005 – 2007. Mỗi quyển có 1000 thác bản của Viện Nghiên cứu Hán Nôm, nhưng tôi chưa đọc quyển 8 – 10 vì quá nhiều. Hơn nữa, 2 báo cáo: Nguyễn Văn Nguyên, “*Thực trạng vấn đề nguy tạo niên đại trong thác bản văn bia Việt Nam*”, *Tạp chí Hán Nôm*, số 74, 2006, tr.28 – 34; Nguyễn Văn Nguyên, “*Những thủ thuật nguy tạo niên đại trong thác bản văn bia*”, *tạp chí Hán Nôm*, số 75, 2006, tr.23 – 33 đã cho rằng các thác bản này có nhiều nguy tạo niên đại. Trong báo cáo này không sử dụng các thác bản bị nguy tạo làm tài liệu. Ngoài ra, trong báo cáo này dùng thác bản bằng mã số của Viện Nghiên cứu Hán Nôm.
 - ⁶ Phan Huy Chú, *Lịch triều hiến chương loại chí* (LTHCLC), Bản dịch của Viện Sử học, NXB Giáo dục, Hà Nội, 2007; *Lê triều chiếu lệnh thiện chính* (LTCLTC), Bản dịch của Nguyễn Sỹ Giác, Đại học viện Sài Gòn, 1961; *Lê triều hội điển* (LTHĐ), Mã số A.52, lưu tại Viện Nghiên cứu Hán Nôm, Hà Nội.
 - ⁷ Xem LTHCLC, sđd, tập 1, tr.562.
 - ⁸ Xem *Khâm định Việt sử thông giám cương mục* (KĐVSTGCM), Bản dịch của Viện Sử học, NXB Giáo dục, Hà Nội, 2007, tập 2, tr.615 – 616.
 - ⁹ Xem Sakurai, *Formation of Vietnamese village – historical analysis of the establishment of communal land in Northern Vietnam* (tiếng Nhật), sđd, pp. 190 – 191.
 - ¹⁰ Xem chú thích 9.
 - ¹¹ Xem Lê Kim Ngân, *Chế độ chính trị Việt Nam thế kỷ XVII – XVIII*, sđd, pp. 295 – 296.
 - ¹² Bách ty Thứ vụ (BTTV), Mã số VHv.1273 lưu tại Viện Nghiên cứu Hán Nôm, Hà Nội. Nhưng đề tài của bìa sách này là *Đài định tấn thân sự lục*. Điều tháng 6, năm thứ 12 Cảnh Hưng (1751), *Đại Việt sử ký toàn thư tục biên* cũng viết rằng Trịnh Doanh đã ban hành *Tấn thân sự lục*, mà quy định chức vụ của các nha môn. BTTV rơi vào tài liệu này. Ngoài ra, *Lê tấn thân sự lục*, Mã số VHv.1762 lưu tại Viện Nghiên cứu Hán Nôm, Hà Nội, có nội dung giống nhau. LTHCLC – sđd, tập 1, tr.572 – 596 cũng được viết theo tài liệu này.
 - ¹³ Cung Bắc có một Hiệu thu nữa là Hiệu thu Bảo Lộc (xem biểu 2). Nhưng LTHĐ không viết gì về Hiệu thu này.
 - ¹⁴ Nếu hiểu Lục Phiên như thế, có lẽ chi tiêu của Binh Phiên lớn nhất. Vì Binh Phiên phải cấp lương cho binh sỹ. Binh Phiên có 4 Thu hiệu trong xứ Sơn Nam, mà LTHCLC – sđd, tập 2, tr.127, viết rằng khu vực này có quan điền nhiều. Thuế thu của quan điền có nhiều phần trong chế độ thuế của chính quyền Lê – Trịnh. Ngoài ra, xứ Sơn Nam có nhiều Hiệu thu so với xứ khác. Điều này cho thấy thuế thu của xứ Sơn Nam rất quan trọng cho tài chính của chính quyền này.
 - ¹⁵ Xem Fujiwara Riichirou, *A study on the Le dynasty in the last stage – political situation under the Trinh family* (tiếng Nhật), in: *Studies on the history of South – East Asia*, Hozokan, Tokyo, 1986.

- Ueda Shinya, *The Administrative Structure and Irregular Departments of the Le – Trinh Government in 17th – century Vietnam* (tiếng Nhật), Nanpo–Bunka, vol. 33, 2006, p. 25.
- ¹⁶ Tôi không trích dẫn quan lại không rõ niên đại chính xác làm việc ở Lục Phiên để tránh hỗn loạn thông tin. Ngoài các quan lại được trích dẫn ra, các Hậu Thân bi, Hậu Phật bi được khắc nhiều quan lại của Lục Phiên. Ngoài ra, trong các biểu này, quan lại thuộc “Nội giám” hoặc “Tư lễ giám” được phân loại “Hoạn quan”. Nhưng có thể nghĩ rằng các quan lại này thực là hoạn quan vì người lấy vợ rất nhiều.
- ¹⁷ Trong các biểu này, Giáp Nguyễn Khoa thôi không thống nhất quan hệ Phiên và Cung (xem biểu 3 dòng 32). Có lẽ, “Cung Tả trung” bị khắc sai với “Cung Hữu trung”.
- ¹⁸ Xem K. W. Taylor, *The literati revival in 17th century Vietnam*, *Journal of Southeast Asian studies*, vol. 18, 1987, pp. 1 – 23. Tác giả này cho rằng tham gia chính trị của sỹ nhân trở nên rộng từ phần nửa sau của thế kỷ XVII.
- ¹⁹ Xem Hasuda Takashi, *The eunuchs in the 17th century Vietnam* (tiếng Nhật), Machikaneyama – Ronso; history, vol. 39, 2005, p. 22. Tác giả này chỉnh lý quan phẩm của các chức quan trong Tư lễ giám theo các tài liệu.
- ²⁰ Về quan phẩm của các chức quan văn, tôi đã xem *Quan chế điển lệ*, Mã số A.56 lưu tại Viện Nghiên cứu Hán Nôm, Hà Nội.
- ²¹ Đặc trưng của chế độ quan liêu trong chính quyền Lê – Trịnh là nhiều quan lại có chức quan hình thức của triều Lê và chức quan thực tế của chúa Trịnh. Trong khi đó, quan lại triều Lê được “sai kiên (sai phái)” đến chức quan chúa Trịnh trong hình thức pháp luật. Một đặc trưng của chính quyền Lê – Trịnh là phạm vi của “sai kiên” rất rộng, và khái niệm “sai kiên” được chia nghiêm mật như Khâm sai, Phụng sai, Thiêm sai, Nội sai...
- ²² Xem 4.
- ²³ Xem Hasuda Takashi, *The eunuchs in the 17th century Vietnam* (tiếng Nhật), *Machikaneyama ronso; history*, vol. 39, 2005, p. 16. “Lệnh sử phiên” xuất hiện tập trung vào thời Vĩnh Hựu (năm 1735 – 40), mà mất đi từ năm 1741 trở đi. Tôi nghĩ rằng hiện tượng này liên quan với chính sách của Trịnh Giang, nhưng chưa rõ nội dung cụ thể của “Lệnh sử phiên”.
- ²⁴ Ngoài biểu 7 ra, N. 452 – 455 được viết nhiều quan lại cấp dưới của Lục Phiên, mà thuận lợi để quan sát.
- ²⁵ Xem 20.
- ²⁶ Xem 8.
- ²⁷ LTCLTC, sđd, tr.24 – 27.
- ²⁸ Xem Ueda Shinya, *The Administrative Structure and Irregular Departments of the Le – Trinh Government in 17th – century Vietnam* (tiếng Nhật), Nanpo – Bunka, vol. 33, 2006, p. 30.
- ²⁹ Xem Ueda Shinya, *The Administrative Structure and Irregular Departments of the Le – Trinh Government in 17th – century Vietnam* (tiếng Nhật), Nanpo – Bunka, vol. 33, 2006, pp. 33 – 39.
- ³⁰ Xem điều tháng 2, năm thứ 4 Cảnh Hưng, *Đại Việt sử ký toàn thư tục biên*.